

Splints



ME-UG-702C
Revision 7 (2026.09)
SW version 1.1.6

Table of contents

Medit Splints

Ký hiệu	5
Tổng quan và thông tin chung	7
Tổng quan	7
Lợi ích lâm sàng của thiết bị	7
Hiệu suất	7
Mục Đích Sử Dụng	8
Chỉ dẫn sử dụng	8
Chống chỉ định	8
Đối tượng người dùng dự kiến	8
Nhóm dân số bệnh nhân dự kiến	8
Cảnh báo an toàn dành cho bệnh nhân	8
Quản lý rủi ro bảo mật và xử lý lỗi	9
Yêu cầu hệ thống	9
Yêu cầu về mạng	10
Yêu cầu về bảo mật	10
Thông tin an ninh mạng	11
Các biện pháp phòng ngừa đối với mạng CNTT	12
Hướng dẫn cài đặt	13
Quản lý dữ liệu	15

Sửa soạn dữ liệu	15
Điều khiển dữ liệu 3D	17
Lưu dữ liệu	18
Giao diện người dùng	19
Thanh tiêu đề	20
Cây dữ liệu	21
Nút điều khiển hành động	21
Thanh công cụ bên	22
Khối vuông chế độ xem	23
Quy trình	
Quy trình	24
Đối với tạo máng	24
Phương thức	27
Chế độ tổng quan	29
Chế độ chỉnh sửa	30
Chế độ căn chỉnh	36
Chế độ điều chỉnh khớp căn	39
Chế độ tạo bề mặt trong	41
Chế độ chỉ định đường viền	44
Chế độ tạo bề mặt ngoài	47
Chế độ thiết kế	49
Chế độ dán nhãn	54

Hoàn thành	58
------------------	----

Phụ lục

Thông báo về báo cáo sự cố bất lợi	59
--	----

Thông báo lỗi và cảnh báo	61
---------------------------------	----

Đại diện được ủy quyền	63
------------------------------	----

Ký hiệu

Số	Ký hiệu	Định nghĩa
1		Tham khảo hướng dẫn sử dụng trên website*
2		Tham khảo hướng dẫn sử dụng hoặc hướng dẫn sử dụng điện tử
3		Chú ý
4		Cảnh báo
5		Chỉ sử dụng theo toa (Hoa Kỳ)
6		Ngày sản xuất
7		Nhà sản xuất
8		Mẹo
9		Đại diện được ủy quyền tại Cộng đồng Châu Âu/Liên minh Châu Âu
10		Thiết bị y tế
11		Số seri

Số	Ký hiệu	Định nghĩa
12		Hệ thống này tuân thủ các yêu cầu quy định về thiết bị y tế trong Quy định về Thiết bị Y tế 2017/745.
13		Đại diện được ủy quyền tại Thụy Sĩ
14		Quốc gia sản xuất: Hàn Quốc
15		Nhà nhập khẩu

**Nếu cần, hướng dẫn sử dụng bản cứng sẽ được cung cấp miễn phí khi gửi yêu cầu đến thông tin liên hệ của nhà sản xuất được liệt kê ở trang cuối. Bản hướng dẫn sử dụng bản cứng sẽ được cấp trong thời hạn tối đa 7 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của người dùng.*

Tổng quan và thông tin chung

Tổng quan

Medit Splints cung cấp quy trình tinh giản và hiệu quả cho việc thiết kế và tạo máng. Người dùng có thể tăng tốc quy trình bằng Tạo tự động, một tính năng sử dụng các thông số đã được xác định trước để tạo máng nhanh chóng. Sau quá trình tạo tự động, một bộ công cụ chỉnh sửa toàn diện sẽ khả dụng, giúp điều chỉnh và tinh chỉnh chính xác nhằm đảm bảo độ chính xác lâm sàng và giải phẫu.

Đối với kịch bản cần toàn quyền kiểm soát của người dùng, chế độ Tạo thủ công cung cấp quy trình thiết kế máng theo từng bước có hướng dẫn, cho phép tùy chỉnh chi tiết ở từng giai đoạn.

Tên sản phẩm	Phần mềm CAD/CAM
Tên thương mại	Medit Splints
Tên model	MA-ASP
UDI DI	(01)08800026700173
UDI PI	(10)1.1.6
Basic UDI-DI	88000267MA-ASPA8

Lợi ích lâm sàng của thiết bị

Hỗ trợ điều trị bằng máng nhai thiết kế riêng cho bệnh nhân thông qua việc cung cấp máng nhai thiết kế riêng cho bệnh nhân có độ vừa vặn và độ khít đạt chuẩn lâm sàng.

Hiệu suất

- Độ chính xác về độ khít của máng được tạo

Kết quả kiểm thử hiệu năng xác nhận rằng sai lệch độ khít bên trong giữa máng được tạo và mô hình cấu trúc hàm tham chiếu nằm trong khoảng $\pm 50 \mu\text{m}$.

Mục Đích Sử Dụng

Medit Splints là phần mềm tạo máng nha khoa giúp bảo vệ răng, khớp thái dương hàm và cơ, đồng thời ổn định khớp cắn. Phần mềm cho phép người dùng thực hiện nhiều tác vụ như căn chỉnh dữ liệu quét, điều chỉnh quan hệ khớp cắn giữa dữ liệu hàm, tạo bề mặt bên trong, xác định đường viền máng, thiết kế bề mặt bên ngoài, chỉnh sửa dữ liệu quét và thêm nhãn lên máng.

Nên sử dụng chương trình theo chẩn đoán và kế hoạch điều trị do chuyên gia nha khoa xác định, đồng thời, cần xác nhận việc sử dụng trong từng ca điều trị cụ thể qua tham vấn với chuyên gia nha khoa. Không được sử dụng chương trình cho bất kỳ mục đích nào khác với mục đích đã được chỉ định.

Chỉ dẫn sử dụng

Đây là phần mềm dành cho chuyên gia nha khoa sử dụng để thiết kế thiết bị nha khoa. Các thiết bị nha khoa được tạo ra có thể được dùng cho bệnh nhân cần điều trị các tình trạng như nghiến răng hoặc rối loạn khớp thái dương hàm theo quyết định của chuyên gia nha khoa. Bản thân phần mềm không chẩn đoán, điều trị hoặc trực tiếp kiểm soát bất kỳ tình trạng y tế nào.

Chống chỉ định

Không thể sử dụng phần mềm cho các mục đích khác ngoài việc tạo máng nhai nha khoa.

Đối tượng người dùng dự kiến

Phần mềm được thiết kế dành riêng cho các chuyên gia nha khoa có hiểu biết cơ bản về các thủ thuật và thuật ngữ nha khoa để vận hành hiệu quả và diễn giải đầu ra. Những người dùng này bao gồm nhưng không giới hạn ở nha sĩ, nhân viên vệ sinh răng miệng và kỹ thuật viên nha khoa.

Nhóm dân số bệnh nhân dự kiến

Phần mềm có thể được sử dụng để thiết kế các thiết bị nha khoa cho bệnh nhân chỉnh nha, người mắc chứng ngưng thở khi ngủ, vận động viên và bệnh nhân bị rối loạn khớp thái dương hàm hoặc tật nghiến răng.

Cảnh báo an toàn dành cho bệnh nhân

Máng có thiết kế kém hoặc quá chặt có thể gây hại cho sức khỏe răng miệng của bệnh nhân, dẫn đến tổn thương răng, sâu răng và các vấn đề về chân răng. Những máng này cũng có thể gây khó chịu và khó khăn khi nói và ăn, đặc biệt trong giai đoạn đầu khi mới đeo.

Do đó, mặc dù phần mềm có thể hỗ trợ trong quá trình chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị, nhưng chỉ có chuyên gia nha khoa có tay nghề cao cũng như có hiểu biết đầy đủ về chức năng của phần mềm và cách diễn giải dữ liệu mới có quyền đưa ra quyết định. Trong mỗi giai đoạn của quá trình thiết kế máng nhai, có nhiều cơ hội để xác định và khắc phục bất kỳ sai sót hoặc lỗi nào có thể dẫn đến các chấn thương nghiêm trọng. Chuyên gia nha khoa phải giám sát chặt chẽ các quá trình thiết kế và ra quyết định.

Bản phục hồi sau cuối luôn do bác sĩ có chuyên môn xem xét và điều chỉnh trước khi áp dụng cho bệnh nhân, qua đó giảm thiểu nguy cơ lâm sàng thực tế.

Quản lý rủi ro bảo mật và xử lý lỗi

Sau khi sự cố đã được khắc phục, nếu cần cập nhật chương trình, chẳng hạn như phát hành tệp cài đặt mới hoặc áp dụng một số tệp bản vá, bản cập nhật sẽ được phân phối chính thức thông qua nhân viên kinh doanh/SE của trụ sở chính kèm theo hướng dẫn ứng dụng gửi đến người phụ trách của công ty hoặc địa điểm xảy ra sự cố.

Các biện pháp ứng phó sự cố bảo mật có thể được thông báo thêm trên website nếu cần.

Trong quá trình xử lý sự cố và khôi phục, có thể áp dụng các hạn chế vận hành tạm thời nhằm đảm bảo tính ổn định của hệ thống và tính toàn vẹn dữ liệu:

- Có thể tạm thời không truy cập được dữ liệu bệnh nhân cho đến khi quá trình khôi phục hoàn tất.
- Quy trình lâm sàng có thể bị gián đoạn; hoạt động bình thường sẽ khôi phục sau khi các biện pháp hành chính hoàn tất. Dữ liệu bệnh nhân sẽ không bị xóa tự động trong quá trình này.
- Thông báo cảnh báo sẽ hiển thị và mục nhập dữ liệu bổ sung sẽ bị hạn chế cho đến khi giải quyết được sự cố.
- Hệ thống có thể tự động đăng xuất phiên người dùng để phòng ngừa truy cập trái phép.

Quy trình ứng phó sự cố an ninh

1. Báo cáo sự cố bảo mật
2. Chia sẻ kết quả phân tích ban đầu và tiến trình
3. Ban hành bản phân phối
4. Ban hành kế hoạch ứng phó / bản phân phối
5. Ban hành kế hoạch ứng phó / chia sẻ kết quả

Yêu cầu hệ thống

Windows

CPU	Intel Core i5 2.6 GHz hoặc cao hơn
RAM	16 GB trở lên
Card đồ họa	NVIDIA GeForce GT 1060 (2 GB) trở lên
OS	Windows 10 64-bit, Windows 11 64-bit

macOS

CPU	8-core trở lên
RAM	16 GB trở lên
Chip	M1/M2 trở lên
OS	Sonoma 14 trở lên

Yêu cầu về mạng

1. Loại mạng: LAN có dây hoặc Wi-Fi (WPA2 trở lên)
2. Băng thông: tối thiểu 100 Mbps (khuyến nghị 1Gbps)
3. Giao thức: IPv4
4. Cổng: TCP 443
5. Độ trễ: trung bình dưới 50ms

Yêu cầu về bảo mật

1. Xác thực: Mật khẩu phải có độ dài 8-16 ký tự và bao gồm ít nhất ba loại ký tự sau: chữ cái, số và ký tự đặc biệt. Chỉ nhận mật khẩu bằng tiếng Anh.
2. Mã hóa: TLS 1.2 trở lên, truyền tải qua HTTPS
3. Phần mềm diệt virus & bản vá: luôn cập nhật hệ điều hành và phần mềm diệt virus lên phiên bản mới nhất

Phần mềm này liên tục giám sát các sự kiện an ninh như truy cập trái phép, các nỗ lực can thiệp trái phép và lỗi về tính toàn vẹn của dữ liệu.

Ngăn chặn truy cập trái phép:

Chỉ những cá nhân được cấp quyền tài khoản Quản trị viên trong Medit Link mới có thể truy cập thông tin bệnh nhân và các máy chủ nội bộ. Trong quá trình đăng ký, quyền tài khoản được chỉ định cho từng người dùng nhằm quản lý và ngăn chặn truy cập trái phép.

Thông tin an ninh mạng

Medit Splints không truy cập bất kỳ thông tin PII/PHI nào của bệnh nhân từ Medit Link. Trong hệ thống này, việc trao đổi dữ liệu và giao tiếp qua API sử dụng các tệp dữ liệu quét được xác định chỉ bằng ID ca của bệnh nhân, thay vì bất kỳ thông tin PII/PHI nào.

Chuẩn bị và thao tác trước/trong khi sử dụng thiết bị

- Quy trình cài đặt sản phẩm: được quản lý qua Đám mây
- Quy trình xác thực người dùng bắt buộc khi tạo tài khoản Medit Link:
 - Tạo tài khoản người dùng trong Medit Link
 - Gửi email xác thực người dùng
 - Người dùng xác nhận đã xác thực
 - Người dùng đăng nhập
- Hướng dẫn khắc phục sự cố: <https://support.medit.com/hc/en-us>

Yêu cầu về cơ sở vật chất, đào tạo và trình độ người sử dụng

- Quản trị viên/nhân viên vận hành mạng nội bộ phải có chuyên môn CNTT (mạng, máy chủ, cấu hình bảo mật hệ điều hành).
- Dịch vụ Đám mây được vận hành trên AWS bởi quản trị viên Medit (có chứng nhận AWS).

Thông tin để xác minh cài đặt đúng cách và vận hành an toàn

- Bản cập nhật cho Medit Splints
 - Cập nhật qua App Box trong Medit Link. (Tệp cài đặt Medit Splints mới nhất sẽ được tải xuống và cài đặt.)
 - Chạy Medit Splints để kiểm tra phiên bản đã cài đặt.
 - Nếu cần cập nhật liên quan đến bảo mật, hãy cài đặt phiên bản Medit Splints đã cập nhật theo cùng một cách.
- Dịch vụ đám mây: Được quản lý và giám sát qua AWS Trusted Advisor, được cập nhật thường xuyên để triển khai các biện pháp bảo mật cần thiết.
- Sao lưu/khôi phục dữ liệu và cài đặt
 - Dữ liệu được quản lý cục bộ qua Medit Link và được sao lưu lên Đám mây.
 - Bạn có thể sao lưu/khôi phục bằng cách tải xuống dữ liệu cần thiết.
 - Các tệp IOSOC gốc chỉ được lưu trong tối đa 6 tháng.
 - Nhật ký người dùng được lưu trữ trong 3 tháng và có thể xóa thủ công.

- Dữ liệu đã lưu có thể được xóa khỏi Case Box trong Medit Link và người dùng thực hiện thao tác xóa sẽ chịu trách nhiệm về hành động này.
- Có thể chuyển Ca bằng cách sử dụng Công cụ chuyển đổi ca trong menu Cài đặt của Medit Link.
- Khi tài khoản người dùng bị xóa, toàn bộ dữ liệu của người dùng (ví dụ: thông tin cá nhân, nhật ký sử dụng như thông tin đăng nhập và lịch sử sử dụng tính năng) cùng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu sẽ bị xóa vĩnh viễn và không thể khôi phục.
- Tính toàn vẹn và xác minh các bản vá bảo mật phần mềm
 - Tập thực thi của Medit Splints được ký số tự động trong quá trình cài đặt và xác minh, do đó người dùng không cần thực hiện thêm bất kỳ thao tác nào.

Các biện pháp phòng ngừa đối với mạng CNTT

Hướng dẫn

Chạy phần mềm y tế trên mạng CNTT có thể dẫn đến các rủi ro trước đây chưa được xác định đối với bệnh nhân, người dùng hoặc bên thứ ba. Tổ chức chịu trách nhiệm nên xác định, phân tích, đánh giá và kiểm soát các rủi ro này.

Các tình huống nguy hại

- Luôn đảm bảo hệ thống được bảo vệ bằng phiên bản phần mềm diệt virus mới nhất và tường lửa đang hoạt động.
- Kết nối mạng với bất kỳ thiết bị nào khác ngoài Medit Splints có thể dẫn đến nguy cơ nhiễm virus hoặc bị can thiệp, sửa đổi dữ liệu. Xác minh rằng mạng đang được vận hành và quản trị phù hợp trước khi tiếp tục.
- Ngay cả khi đã cấu hình tự động sao lưu, hệ thống sẽ không sao lưu nếu phần mềm không chạy hoặc nếu vị trí sao lưu chỉ định không khả dụng.

Các thay đổi sau đó đối với mạng CNTT có thể phát sinh rủi ro mới và có thể cần được phân tích thêm.

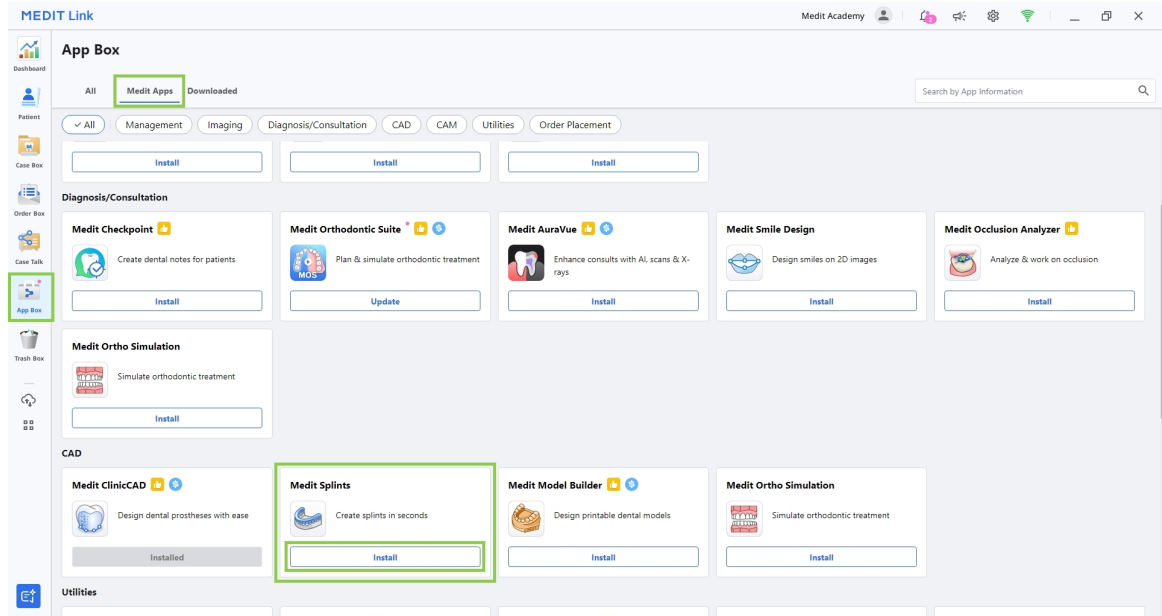
Các thay đổi này bao gồm:

1. Sửa đổi cấu hình mạng CNTT.
2. Thêm mục (phần cứng, nền tảng phần mềm hoặc ứng dụng phần mềm) vào mạng CNTT.
3. Gỡ mục ra khỏi mạng CNTT.
4. Cập nhật ứng dụng phần mềm trên mạng CNTT.
5. Nâng cấp nền tảng phần mềm hoặc ứng dụng phần mềm trên mạng CNTT

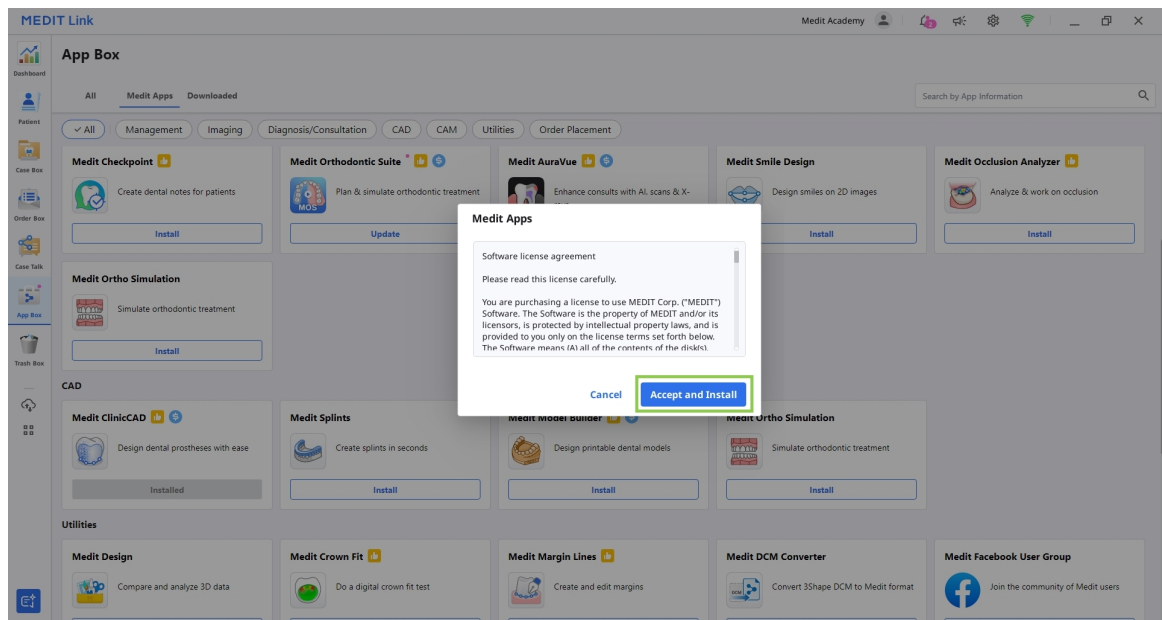
Trong trường hợp có sự cố an ninh mạng, nếu phần mềm phát hiện an ninh mạng xác định được một nguy cơ, người dùng phải báo cáo sự việc cho nhà sản xuất và cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia thành viên.

Hướng dẫn cài đặt

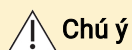
1. Đăng nhập vào tài khoản Medit Link và đi tới App Box ở menu bên trái.
2. Trong tab Medit Apps, tìm ứng dụng Medit Splints và nhấp vào "Cài đặt".



3. Đọc Thỏa thuận giấy phép phần mềm và nhấp vào "Chấp nhận và cài đặt" để xác nhận cài đặt ứng dụng.



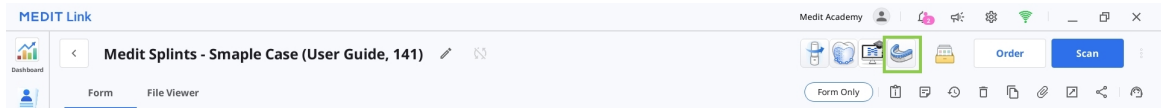
4. Ứng dụng sẽ được tải xuống và cài đặt tự động. Quá trình cài đặt có thể mất vài phút để hoàn tất.



Chú ý

Không tắt máy tính hoặc đóng Medit Link trong quá trình cài đặt.

5. Sau khi cài đặt ứng dụng, bạn có thể chạy ứng dụng đó từ mọi ca trong Medit Link bằng cách nhấp vào biểu tượng ứng dụng ở góc trên cùng bên phải cửa sổ Chi tiết ca.



6. Để gỡ cài đặt chương trình, hãy mở App Box và tìm ứng dụng Medit Splints. Chọn thẻ ứng dụng để mở trang chi tiết, sau đó nhấp vào “Gỡ cài đặt”.

Quản lý dữ liệu

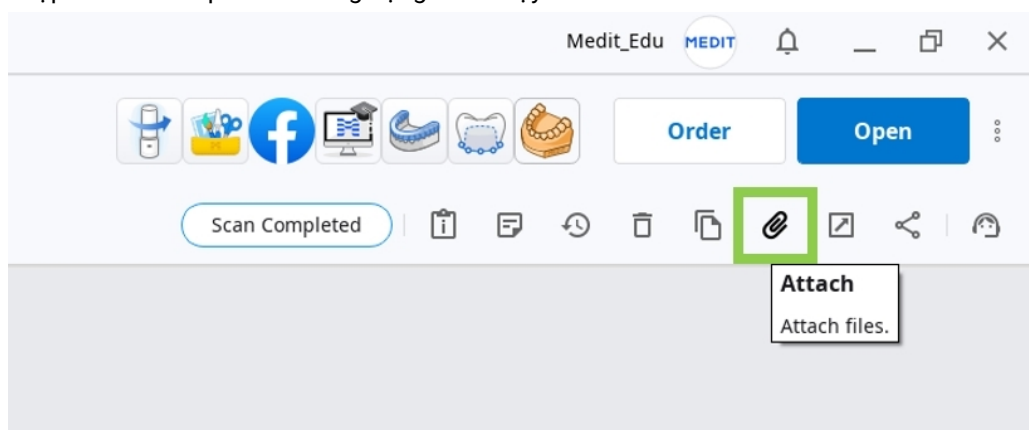
Sửa soạn dữ liệu

Người dùng phải chuẩn bị dữ liệu quét cho ít nhất một hàm ở định dạng tệp được hỗ trợ như meditMesh, OBJ, PLY hoặc STL. Dữ liệu sẽ được tự động nhập từ một ca Medit Link hoặc được tải xuống theo cách thủ công khi ứng dụng khởi chạy.

Bạn có thể tải dữ liệu quét vào dự án bằng một trong các phương pháp sau.

1. Tự động nhập từ một ca Medit Link

Hoàn thành quá trình quét trong Medit Scan for Clinics hoặc Labs, hoặc sử dụng tính năng "Đính kèm" trong cửa sổ Chi tiết ca để nhập dữ liệu cục bộ. Tất cả dữ liệu có trong ca sẽ được tự động nhập vào Medit Splints khi ứng dụng khởi chạy.



2. Nhập thủ công khi khởi chạy

Nếu dữ liệu quét được yêu cầu không có trong ca, bạn có thể nhập dữ liệu này từ tệp cục bộ sau khi khởi chạy ứng dụng. Sử dụng tùy chọn "Nhập tệp cục bộ" trong cửa sổ hộp thoại Chỉ định dữ liệu.

Assign Data

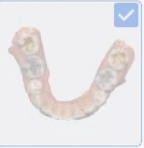
Assign the maxilla and mandible data. You need at least one arch to create your splint.

 Import Local Files

Data



Maxilla Base



Mandible Base



Splint



Splints_Mandible



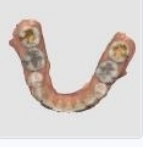
Splints_Maxilla

Maxilla



Maxilla Base

Mandible



Mandible Base

Cancel
Confirm

Nếu mở lại ứng dụng từ cùng một ca Medit Link, bạn có thể tải và tiếp tục dự án đã lưu trước đó.

Select Project

There are already existing projects. Select an existing project to continue working on it.
To import files, press "Cancel" button.



Splint 1

7/8/2022 3:53 PM



Splint 2

7/8/2022 3:58 PM

Cancel
OK

Điều khiển dữ liệu 3D

Người dùng có thể điều khiển dữ liệu 3D chỉ bằng chuột hoặc cả chuột và bàn phím.

Điều khiển dữ liệu 3D bằng chuột

Thu phóng	Cuộn con lăn chuột.	
Thu phóng tiêu điểm	Nhấp đúp vào dữ liệu.	
Thu phóng vừa màn hình	Nhấp đúp vào nền.	
Xoay	Nhấp chuột phải và kéo.	
Di chuyển	Giữ cả hai nút chuột (hoặc con lăn) và kéo.	

Điều khiển dữ liệu 3D bằng chuột và bàn phím

	Windows	macOS
Thu phóng	 + 	 + 
Xoay	 + 	 + 
Di chuyển	 + 	 + 

Lưu dữ liệu

Có nhiều cách để lưu dữ liệu dự án.

1. Nhấp vào "Hoàn thành" ở trên cùng màn hình để hoàn tất dự án và thiết kế máng, đồng thời lưu chúng vào ca Medit Link.
2. Nhấp vào "Tiếp theo" trong Chế độ dán nhãn để hoàn tất dự án và thiết kế máng, đồng thời lưu chúng vào ca Medit Link.
3. Nhấp vào "Menu" trên Thanh tiêu đề và chọn "Lưu dưới dạng" để lưu tiến trình dự án hiện tại.

Lưu ý

Người dùng có thể lưu tiến độ công việc của một dự án chưa hoàn thành ngay cả khi họ đã đóng chương trình trước khi đến bước quy trình công việc cuối cùng.

Exit Options

Exit Program After Saving

Save all current progress and terminate the program.

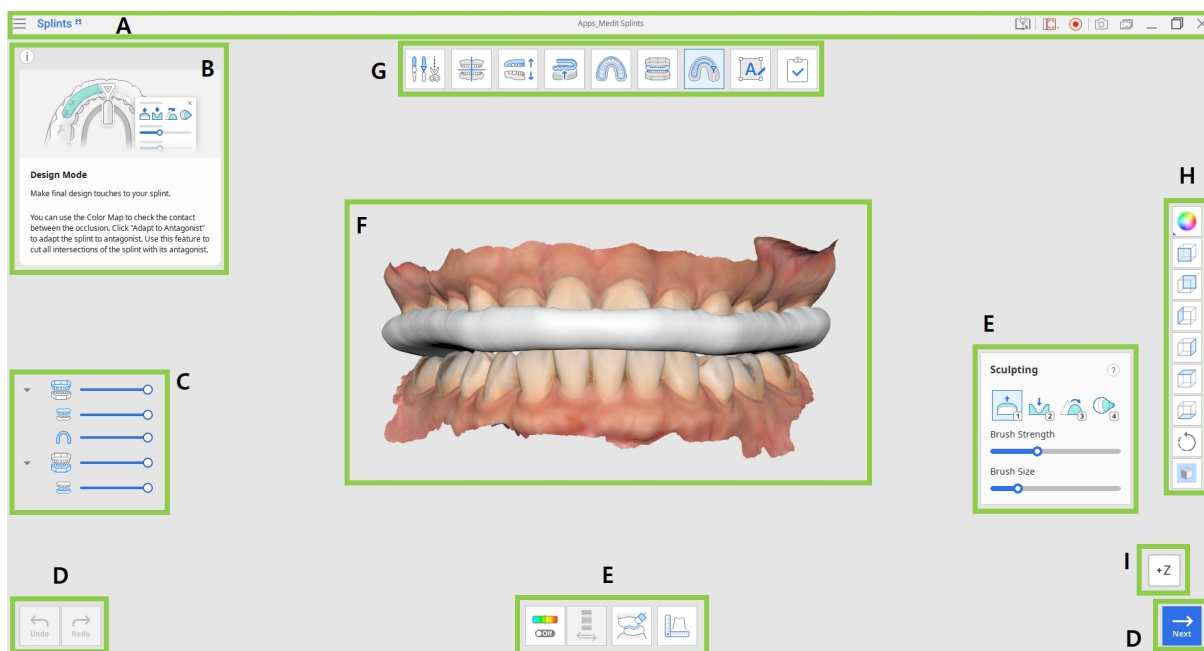
Exit Program Without Saving

Terminate the program without saving any of the current progress.

Cancel

Giao diện người dùng

Khái quát về giao diện người dùng



A	Thanh tiêu đề
B	Hộp thông tin
C	Cây dữ liệu
D	Nút điều khiển hành động
E	Hộp công cụ
F	Dữ liệu 3D
G	Quy trình
H	Thanh công cụ bên
I	Khối vuông chế độ xem



Lưu ý

Vui lòng lưu ý rằng đây là tổng quan chung về các thành phần chính. Một số thành phần giao diện có thể thay đổi nhỏ tùy theo mục tiêu của từng bước quy trình.

Thanh tiêu đề

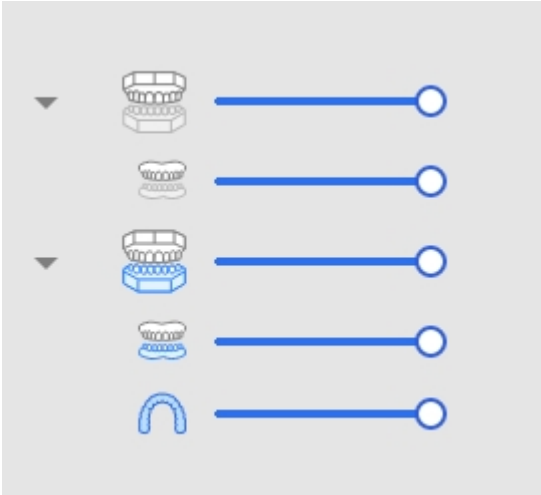
Thanh tiêu đề là dải nhỏ ở trên cùng cửa sổ ứng dụng, chứa các điều khiển cơ bản ở bên phải và menu chương trình ở bên trái. Thanh này cũng hiển thị tên ứng dụng và tên ca bệnh đang mở.

	Menu	Quản lý dự án đang mở, truy cập các tài nguyên hỗ trợ có sẵn và kiểm tra chi tiết của ứng dụng.
	Trung tâm hỗ trợ	Đi đến trang Trung tâm hỗ trợ Medit dành riêng cho ứng dụng này.
	Chọn vùng ghi video	Chỉ định vùng sẽ được dùng để ghi video.
	Bắt đầu ghi video	Bắt đầu và dừng ghi video màn hình.
	Chụp màn hình	Chụp ảnh màn hình. Chụp ứng dụng có hoặc không có thanh tiêu đề bằng tính năng chọn tự động hoặc nhấp và kéo để chỉ chụp vùng mong muốn.
	Trình quản lý ảnh chụp màn hình	Xem, xuất hoặc xóa ảnh chụp màn hình. Sau khi hoàn tất, tất cả hình ảnh đã chụp sẽ được lưu tự động vào ca.
	Thu gọn	Thu gọn cửa sổ ứng dụng.

	Khôi phục	Mở rộng hoặc khôi phục cửa sổ ứng dụng.
	Thoát	Đóng ứng dụng.

Cây dữ liệu

Cây dữ liệu nằm bên trái màn hình và hiển thị danh sách dữ liệu dự án đã được sắp xếp thành nhiều nhóm. Người dùng có thể kiểm soát khả năng hiển thị của từng dữ liệu bằng cách nhấp vào biểu tượng tương ứng trong cây hoặc di chuyển thanh trượt để thay đổi độ trong suốt. Cấu trúc có thể thay đổi đôi chút tùy theo mục tiêu của từng bước hoặc công cụ cụ thể.

	Nhóm hàm trên • Hàm trên Nhóm hàm dưới • Hàm dưới • Máng
---	---

Nút điều khiển hành động

Có ba nút kiểm soát tổng thể quá trình làm việc, Chúng được đặt ở cả hai góc dưới của cửa sổ ứng dụng.

Nút “Hoàn thành” sẽ chỉ xuất hiện ở bước cuối cùng.

Hoàn tác	Hoàn tác hành động trước đó.
Làm lại	Làm lại hành động trước.

Tiếp	Áp dụng thay đổi và chuyển sang bước tiếp theo.
------	---

Thanh công cụ bên

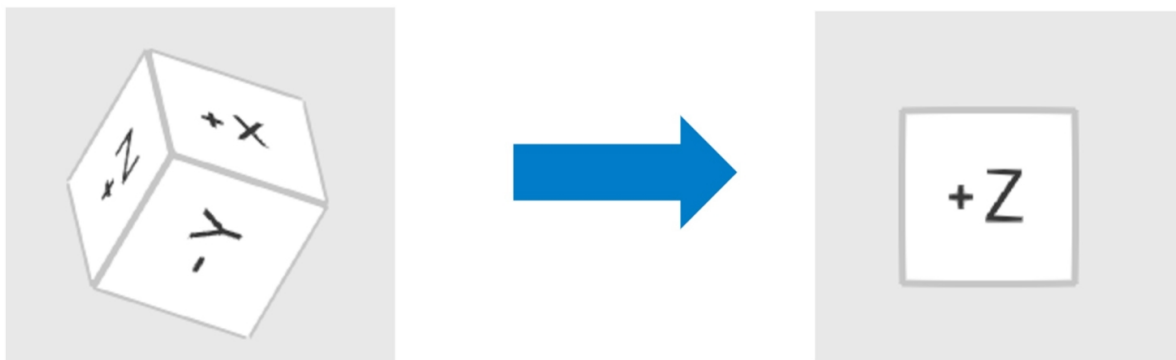
Thanh công cụ bên nằm ở phía bên phải màn hình, cung cấp một số công cụ trực quan hóa và kiểm soát dữ liệu.

	Thay đổi chế độ hiển thị dữ liệu	Thay đổi giữa các tùy chọn hiển thị dữ liệu khác nhau. (Kết cấu/Kết cấu có cạnh/Đơn sắc/Đơn sắc có cạnh/Khung dây)
	Chế độ xem chiều dương trục Z	Xem ở chế độ xem mặt trước.
	Chế độ xem chiều âm trục Z	Xem ở chế độ xem mặt sau.
	Chế độ xem chiều âm trục X	Xem ở chế độ xem bên trái.
	Chế độ xem chiều dương trục X	Xem ở chế độ xem bên phải.
	Chế độ xem chiều dương trục Y	Xem ở chế độ xem mặt trên.
	Chế độ xem chiều âm trục Y	Xem ở chế độ xem mặt dưới.

	Xoay	Nhấp và kéo để xoay dữ liệu.
	Cài đặt lưới	Hiển thị hoặc ẩn lưới (bật/tắt chồng lấp). Nhấp nhiều lần để điều khiển tùy chọn chồng lấp.

Khối vuông chế độ xem

Khối vuông chế độ xem hiển thị hướng xem 3D; khối vuông xoay đồng thời với dữ liệu 3D để giúp bạn hiểu được vị trí dữ liệu trong không gian ba chiều. Bạn có thể nhấp vào mặt hiển thị của khối vuông để xoay và xem dữ liệu từ một hướng nhìn cụ thể.



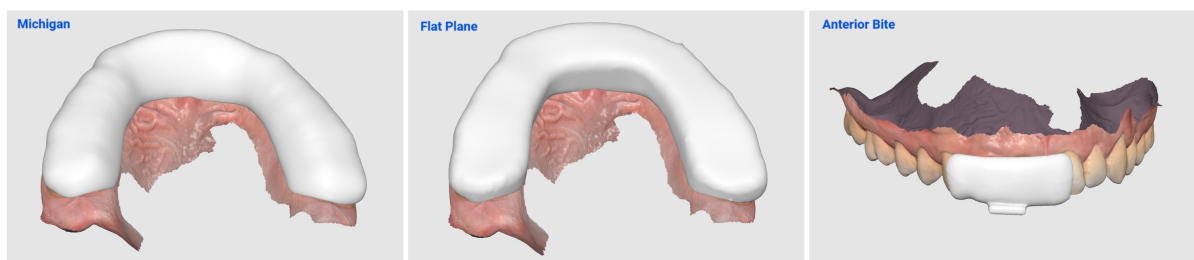
Quy trình

Đối với tạo máng

Sau khi dữ liệu quét được chỉ định, hai khía cạnh chính trong quá trình tạo máng sẽ được xác nhận với người dùng.

Đầu tiên là xác định hàm mục tiêu và loại máng. Có ba loại máng và tùy theo loại máng được chọn, các sửa đổi cụ thể sẽ được áp dụng cho đường viền và bề mặt bên ngoài của máng.

Loại máng	Mô tả
Michigan	Máng che phủ toàn diện cho tất cả ca thông thường.
Mặt phẳng	Máng che phủ toàn diện có bề mặt bên ngoài phẳng, nhằm giúp cho hàm dưới di chuyển mà không bị cản trở.
Máng nhai phía trước	Máng chỉ che phủ một phần răng cửa và ngăn răng hàm tiếp xúc với răng nanh.



Thứ hai, chọn phương pháp thiết kế — tự động hoặc thủ công. Quy trình tiếp theo sẽ thay đổi tùy theo phương pháp được chọn.

Tạo tự động

Tạo tự động là quy trình thiết kế máng tự động sử dụng thông số đặt trước. Quy trình bao gồm ba bước: Chế độ tổng quan → Chế độ thiết kế → Chế độ dán nhãn.



Tìm hiểu thêm về các chế độ ở phần sau của chương này.

Khi chọn Tạo tự động lần đầu sau khi cài đặt, các thông số mặc định sẽ được sử dụng để tự động tạo máng. Thông số đặt trước mặc định như sau:

Chế độ	Thông số	Giá trị mặc định
Chế độ điều chỉnh khớp căn	Khoảng cách với răng đối hàm	1.5 mm
Chế độ tạo bề mặt trong	Offset bề mặt trong	0.10 mm
	Làm nhẵn bề mặt	4/5
	Góc	0.1°
	Độ lưu giữ	0 mm
Chế độ chỉ định đường viền	Mặt phía má	một nửa chiều cao răng
	Mặt phía lưỡi	một nửa chiều cao răng
Chế độ tạo bề mặt ngoài	Độ dày phía lưỡi & phía má	1.50 mm
	Làm nhẵn bề mặt	5/5
	Máng hai lớp	Tắt

Sau lần sử dụng đầu tiên, các thông số được áp dụng gần nhất sẽ được tự động lưu và sử dụng cho các quy trình Tạo tự động sau đó.

Bạn có thể đánh giá và sửa đổi thông số bằng cách chọn "Cài đặt thông số" trước khi tạo máng.

Choose Creation Type



Auto Creation



Manual Creation

Parameter Settings

Confirm

Vào lần khởi chạy Medit Splints tiếp theo sau khi sử dụng tính năng Tạo tự động, hệ thống sẽ yêu cầu phản hồi về máng được tạo tự động gần nhất. Dựa trên phản hồi của người dùng, ứng dụng sẽ học và tự động điều chỉnh thông số để cải thiện độ khít của các thiết kế máng trong tương lai. Không bắt buộc phải cung cấp phản hồi.

Feedback on Auto Creation

Last time you designed a splint using Auto Creation. Give feedback on that splint design, and the parameter settings for the next Auto Creation will be adjusted.

How did the recent auto-created splint fit?

It was loose.

The value for the inner surface offset will be reduced or retention will be increased.

It fit well.

No changes will be made.

It was tight.

The value for the inner surface offset will be increased.

☐ Do not show again

Confirm

Tạo thủ công

Tạo thủ công là quy trình tạo máng theo từng bước, cho phép tinh chỉnh máng với độ linh hoạt cao hơn. Quy trình Tạo thủ công như sau:

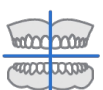
Chế độ tổng quan → Chế độ chỉnh sửa → Chế độ căn chỉnh* → Chế độ điều chỉnh khớp cắn* → Chế độ tạo bề mặt trong* → Chế độ chỉ định đường viền* → Chế độ tạo bề mặt ngoài* → Chế độ thiết kế → Chế độ dán nhãn

Chế độ được đánh dấu dấu sao (*) bao gồm chức năng tự động phân tích răng trước và răng sau. Dựa trên phân tích này, các kết quả đề xuất sẽ được tạo khi vào bước đó. Có thể xem xét và sửa đổi kết quả đề xuất nếu cần trước khi nhấp vào "Tiếp theo" để tiếp tục.

Phương thức

Quy trình hoàn chỉnh gồm 8 chế độ, mỗi chế độ tương ứng với một bước cụ thể trong quy trình thiết kế. Các bước này phải được hoàn thành theo đúng thứ tự hiển thị ở phía trên.

Nếu khớp cắn được quét ở trạng thái há miệng hoặc nếu chỉ có một hàm, có thể bỏ qua bước Chế độ điều chỉnh khớp cắn. Sau khi hoàn tất bước Chế độ thiết kế, quy trình có thể chuyển trực tiếp đến bước cuối cùng là Hoàn thành và kết quả có thể được lưu vào Medit Link.

	Chế độ tổng quan	Kiểm tra dữ liệu quét của bạn
	Chế độ chỉnh sửa	Chỉnh sửa và cắt dữ liệu bằng cách sử dụng nhiều chức năng được cung cấp.
	Chế độ căn chỉnh	Căn chỉnh dữ liệu và mặt phẳng cắn.
	Chế độ điều chỉnh khớp cắn	Điều chỉnh quan hệ khớp cắn.
	Chế độ tạo bề mặt trong	Tạo bề mặt bên trong của máng.

	Chế độ chỉ định đường viền	Chỉ định vùng máng.
	Chế độ tạo bề mặt ngoài	Tạo bề mặt bên ngoài của máng.
	Chế độ thiết kế	Thiết kế máng bằng công cụ được cung cấp.
	Chế độ dán nhãn	Dán nhãn máng bằng cách khắc hoặc dập nổi văn bản.
	Hoàn thành	Hoàn tất việc tạo máng và lưu kết quả vào Medit Link.

Lưu ý

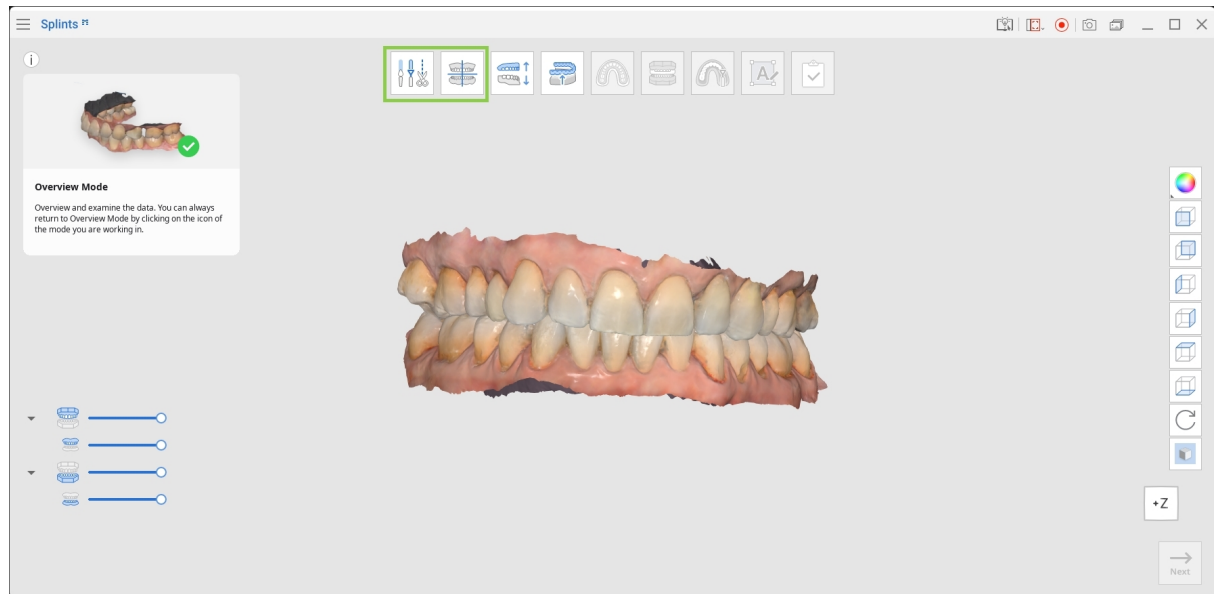
Chế độ chỉnh sửa, Chế độ thiết kế, Chế độ dán nhãn là các bước không bắt buộc và có thể bỏ qua.

Chế độ tổng quan

Chế độ tổng quan là trang đích của Medit Splints, tại đây, dữ liệu đã nhập được hiển thị ban đầu.

Đánh giá dữ liệu và nếu cần chỉnh sửa, hãy nhấp vào biểu tượng Chế độ chỉnh sửa ở trên cùng màn hình.

Nếu không cần chỉnh sửa, bạn có thể bỏ qua Chế độ chỉnh sửa và tiếp tục vào Chế độ căn chỉnh.



Chế độ chỉnh sửa

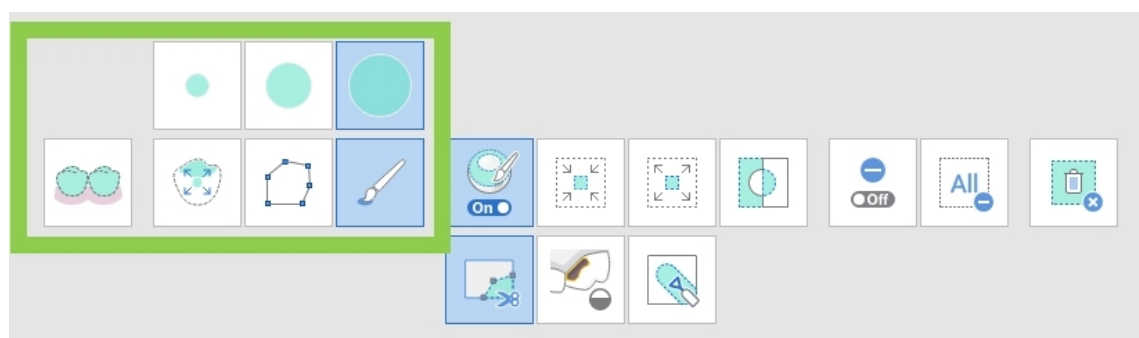
Chế độ chỉnh sửa cho phép người dùng sửa đổi dữ liệu quét trước khi tạo máng. Bạn có thể cắt dữ liệu không cần thiết, làm đầy lỗ và điều khắc bề mặt nếu cần.

Hộp công cụ

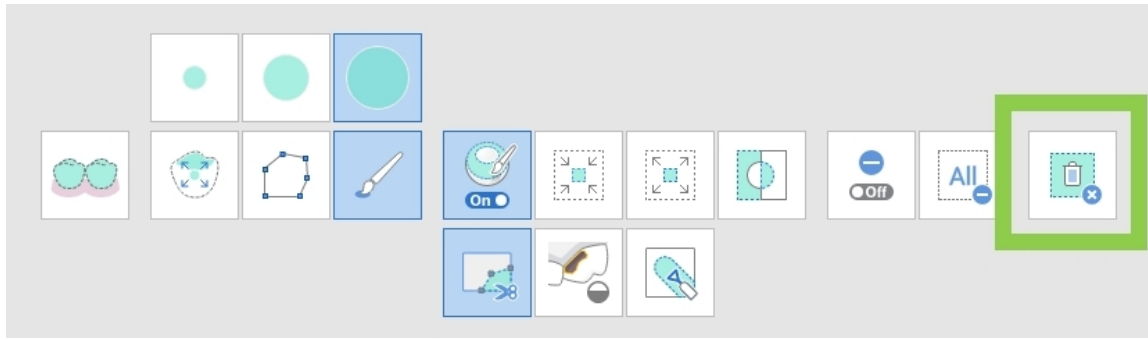
	Công cụ cắt	Sử dụng nhiều công cụ lựa chọn khác nhau để xóa dữ liệu không cần thiết.
	Làm đầy lỗ	Lấp đầy khoảng trống bằng dữ liệu lưới 3D.
	Điều khắc	Điều khắc dữ liệu bằng cách thêm, xóa, làm nhẵn hoặc biến đổi.

Cách cắt dữ liệu

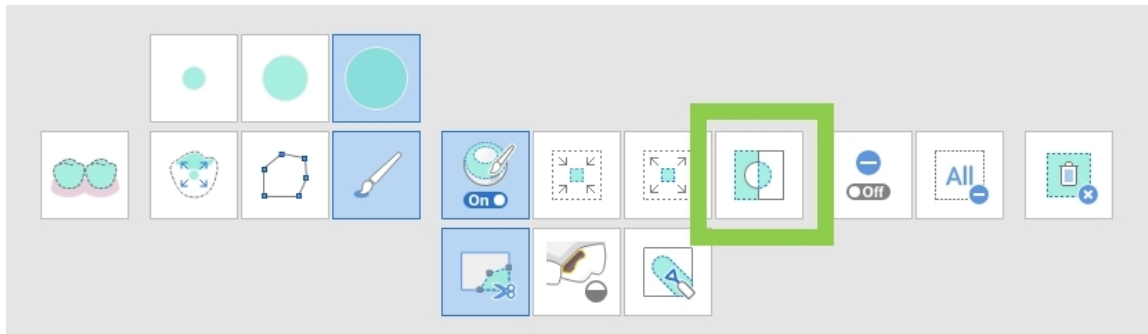
Sử dụng Công cụ chọn thông minh để tự động chọn dữ liệu răng, hoặc chọn "Chọn bằng hình đa tuyến" hay "Chọn bằng cọ vẽ" để chỉ định vùng cắt theo cách thủ công.



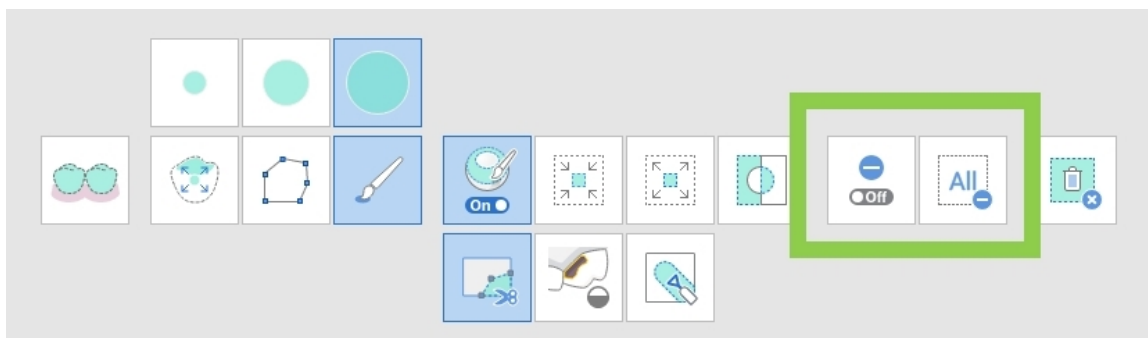
Để xóa vùng đã chọn, nhấp vào "Xóa vùng đã chọn".



Bạn có thể nhấp vào “Đảo ngược vùng đã chọn” để hoàn nguyên vùng đã chọn.



Bạn có thể nhấp vào "Chế độ bỏ chọn" để chuyển công cụ chọn sang chế độ bỏ chọn hoặc sử dụng "Xóa tất cả lựa chọn" để xóa tất cả các lựa chọn.



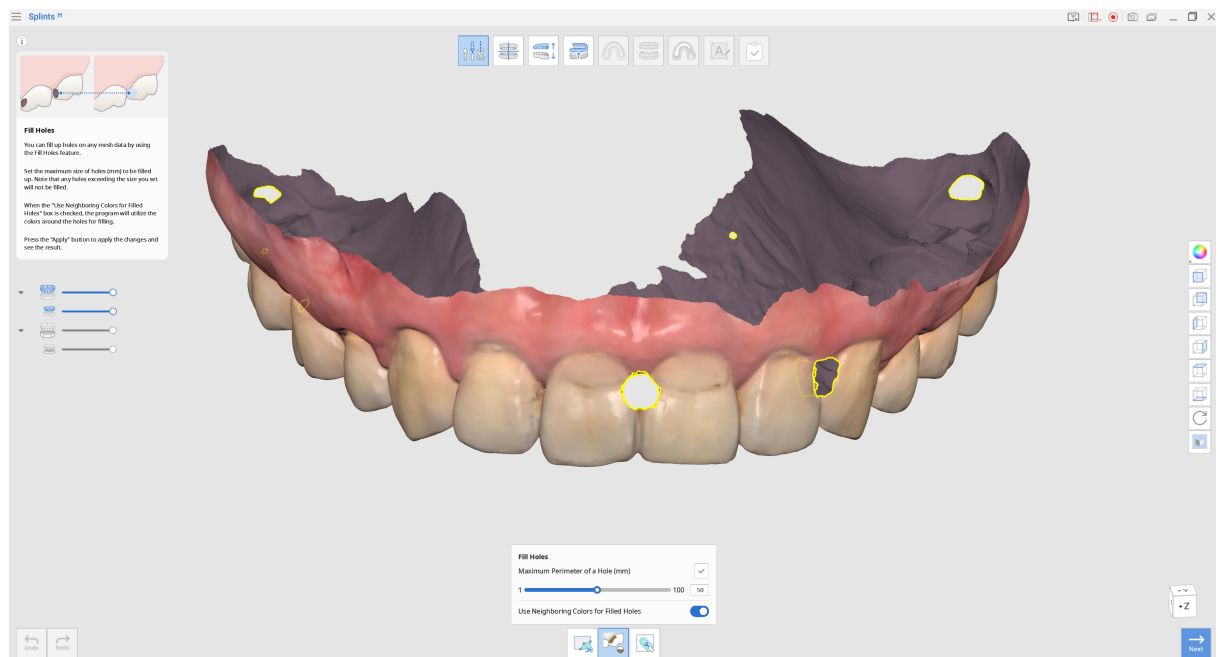
Hộp công cụ: Công cụ cắt

	Chọn răng thông minh	Tự động chọn tất cả răng trên hàm, bỏ qua phần nướu.
	Chọn một răng thông minh	Tự động chọn vùng của một răng, bỏ qua phần nướu. Nhấp, nhấn và kéo chuột trên răng.

	Chọn bằng hình đa tuyến	Chọn tất cả các thực thể trong một hình đa tuyến được vẽ trên màn hình.
	Chọn bằng cọ vẽ	Chọn tất cả thực thể dọc theo một đường vẽ tự do trên màn hình. Cọ có ba kích thước.
	Tự động làm đầy vùng đã chọn	Tự động làm đầy các thực thể của vùng đã chọn.
	Thu nhỏ vùng đã chọn	Thu nhỏ vùng đã chọn mỗi lần bạn nhấn nút.
	Mở rộng vùng đã chọn	Mở rộng vùng đã chọn mỗi lần bạn nhấn nút.
	Đảo ngược vùng đã chọn	Đảo ngược lựa chọn.
	Chế độ bỏ chọn	Khi được bật, chức năng này sẽ bỏ chọn vùng bằng nhiều công cụ khác nhau.
	Xóa tất cả lựa chọn	Xóa tất cả vùng đã chọn.
	Xóa vùng đã chọn	Xóa dữ liệu khỏi vùng đã chọn.

Cách làm đầy lỗ

Sử dụng "Làm đầy lỗ" để làm đầy lỗ bất kỳ còn sót sau khi quét hoặc làm đầy các vùng đã xóa.



1. Chu vi lỗ tối đa (mm)

Đặt kích thước lỗ tối đa (bằng mm) cần làm đầy. Lỗ lớn hơn kích thước chỉ định sẽ không được làm đầy.

2. Sử dụng màu lân cận cho lỗ đã lấp đầy

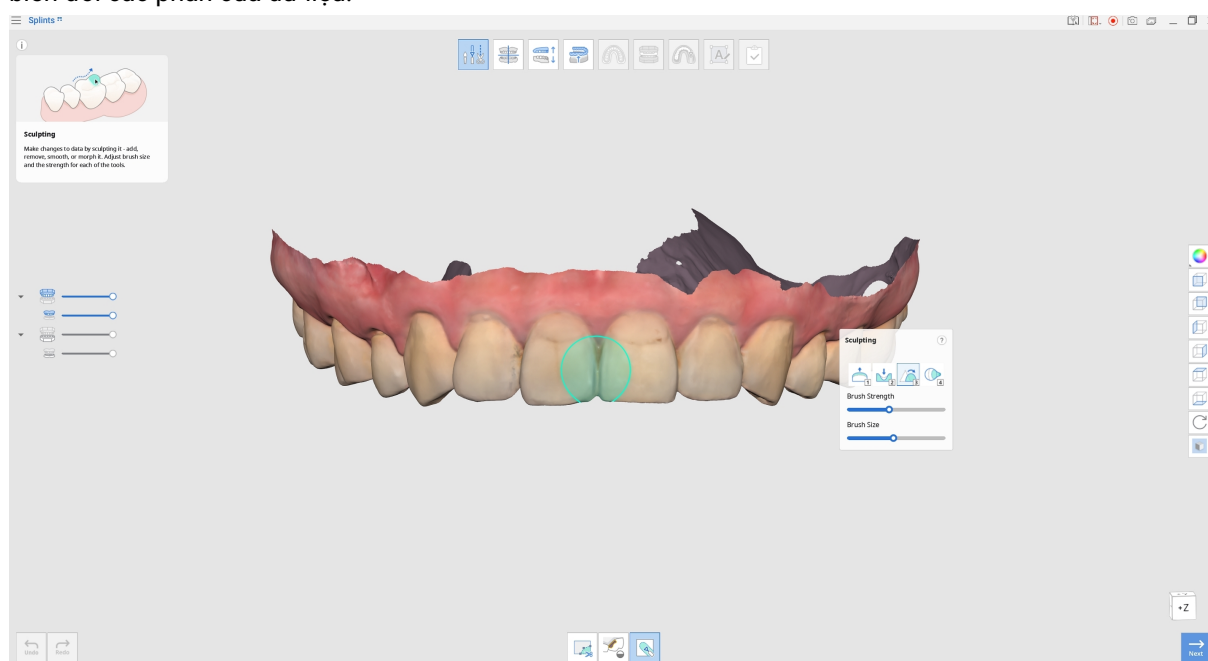
Khi bật tùy chọn này, chương trình sẽ sử dụng màu xung quanh để làm đầy lỗ. Nếu không, các vùng lấp đầy sẽ có màu xám.

3. Áp dụng

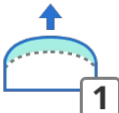
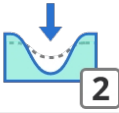
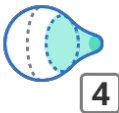
Nhấp vào nút "Áp dụng" để áp dụng thay đổi.

Cách điêu khắc dữ liệu

Chọn công cụ "Điêu khắc" để sửa đổi dữ liệu. Công cụ điêu khắc cho phép bạn thêm, xóa, làm nhẵn hoặc biến đổi các phần của dữ liệu.



Hộp công cụ: Điêu khắc

	Thêm	Sử dụng chuột để thêm dữ liệu lên bề mặt.
	Xóa	Sử dụng chuột để xóa các phần của dữ liệu.
	Làm nhẵn	Sử dụng chuột để làm nhẵn các phần của dữ liệu.
	Biến đổi	Sử dụng chuột để biến đổi các phần của dữ liệu.



Sử dụng phím tắt để điều khiển dễ dàng hơn.

Add	[1]	Add	[1]
Remove	[2]	Remove	[2]
Smooth	[3]	Smooth	[3]
Morph	[4]	Morph	[4]
Extra Strength	[1] / [2] + Alt	Extra Strength	[1] / [2] + ⌘
Flatten	[3] + Alt	Flatten	[3] + ⌘
Morph in View Direction	[4] + Alt	Morph in View Direction	[4] + ⌘
Brush Strength	Alt +	Brush Strength	⌘ +
Brush Size	Ctrl +	Brush Size	⌘ +

Nhấp vào "Tiếp" khi chỉnh sửa xong.

Chế độ căn chỉnh

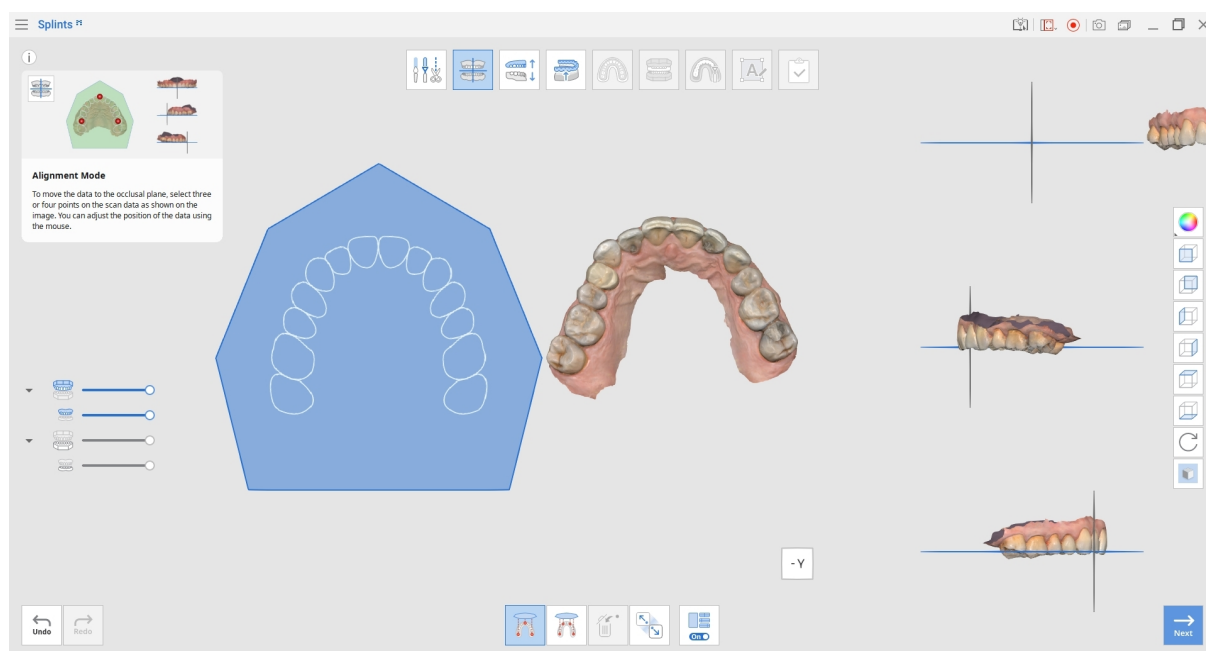
Bước này tự động căn chỉnh dữ liệu với mặt phẳng khớp cắn ảo.

Sau khi hoàn thành, bạn có thể thực hiện thêm các điều chỉnh thủ công nếu cần. Bạn nên luôn kiểm tra kết quả căn chỉnh ở bước này để đảm bảo định vị đúng dữ liệu.



Lưu ý

Bạn có thể bỏ qua bước này nếu đã hoàn thành bước căn chỉnh trong Medit Scan for Clinics hoặc Labs.



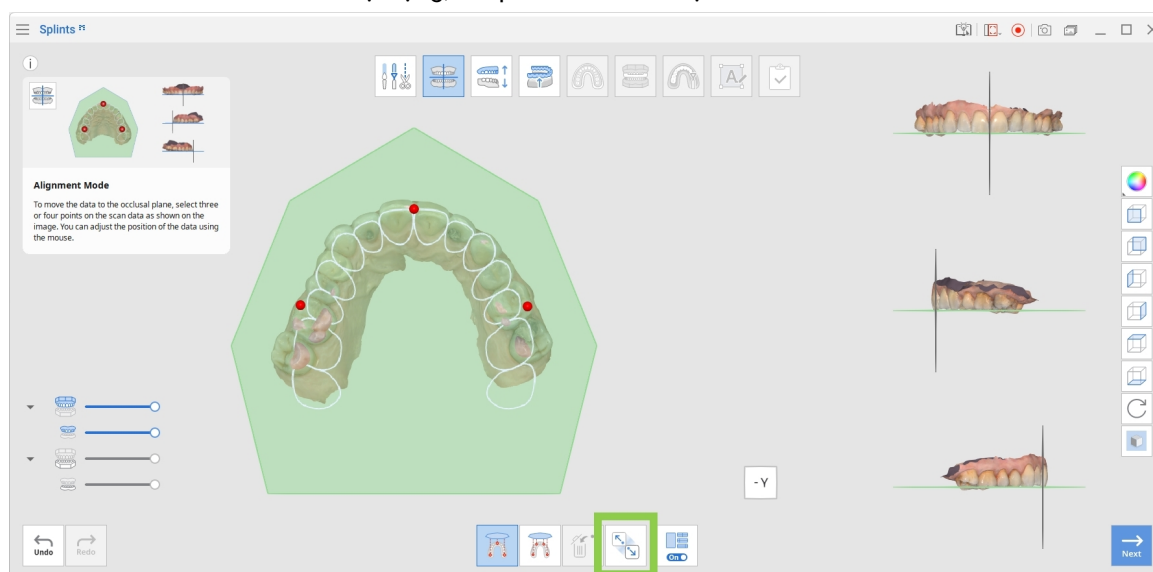
Hộp công cụ

	Căn chỉnh với mặt phẳng cắn theo ba điểm	Chọn ba điểm trên hàm trên và hàm dưới để căn chỉnh với mặt phẳng cắn.
	Căn chỉnh với mặt phẳng khớp cắn theo bốn điểm	Chọn bốn điểm trên hàm trên hoặc hàm dưới để căn chỉnh với mặt phẳng cắn. Tùy chọn này rất hữu ích khi không có răng trước.

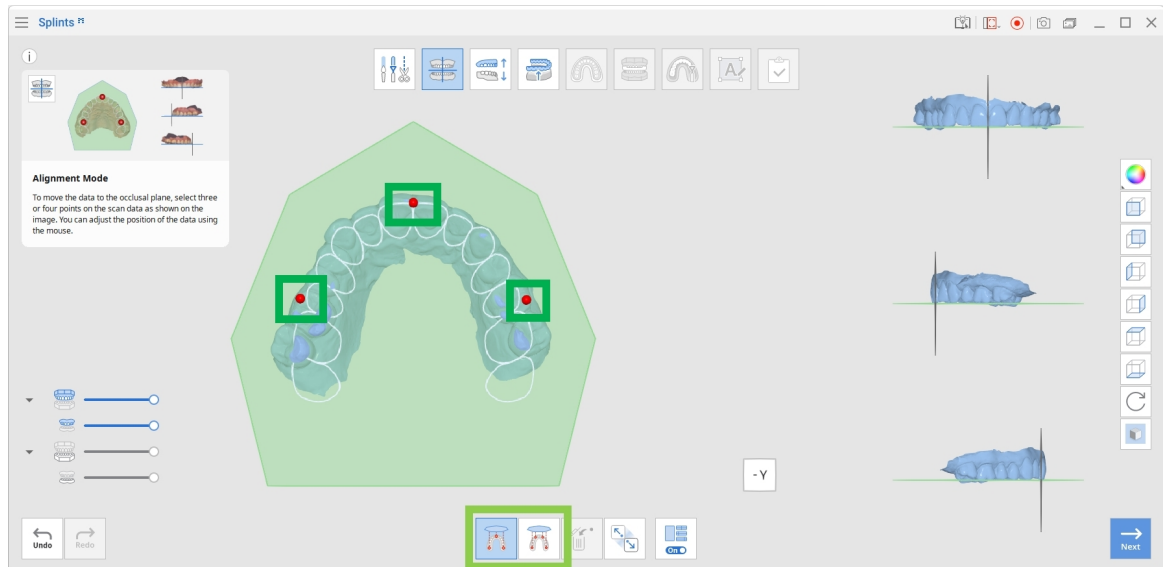
	Xóa điểm đánh dấu	Xóa điểm đã chọn để căn chỉnh.
	Tách dữ liệu	Tách và trả dữ liệu đã căn chỉnh về vị trí ban đầu.
	Đa chế độ xem	Khi kích hoạt, chức năng này hiển thị dữ liệu từ bốn góc độ khác nhau.

Để căn chỉnh thủ công dữ liệu theo mặt phẳng khớp cắn, hãy làm theo các bước sau:

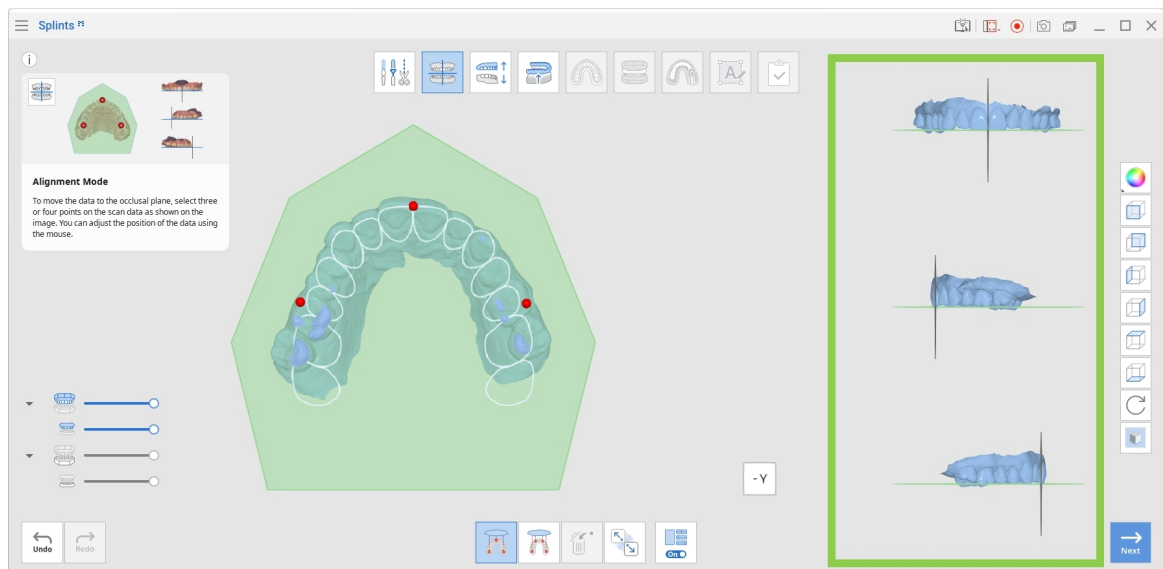
1. Sau khi hoàn thành căn chỉnh tự động, nhấp vào "Tách dữ liệu".



2. Đặt ba hoặc bốn điểm trên dữ liệu để căn chỉnh dữ liệu với mặt phẳng khớp cắn.



3. Sử dụng chức năng Đa chế độ xem ở bên phải để điều chỉnh dữ liệu và kiểm soát quy trình căn chỉnh.



-Lưu ý

Khi Đa chế độ xem tắt, chỉ mặt phẳng khớp cắn được hiển thị.

4. Nhấp vào "Tiếp" khi hoàn tất.

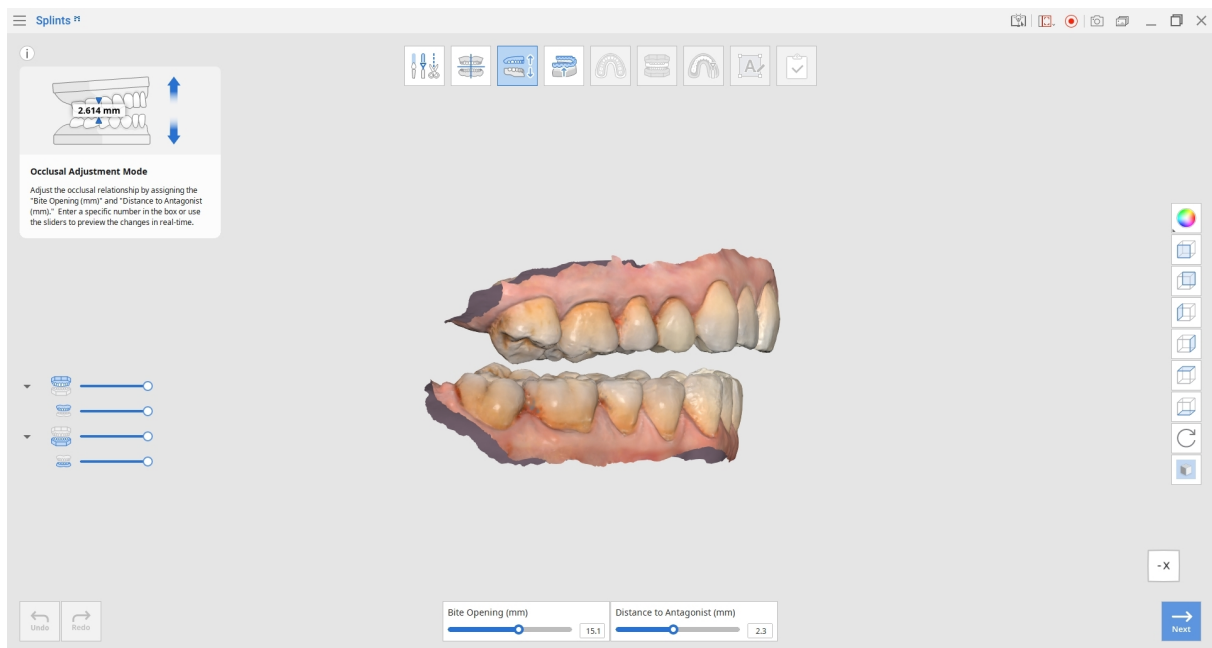
Chế độ điều chỉnh khớp cắn

Trong bước này, khoảng trống cho máng được tạo bằng cách điều chỉnh quan hệ khớp cắn giữa hàm trên và hàm dưới.

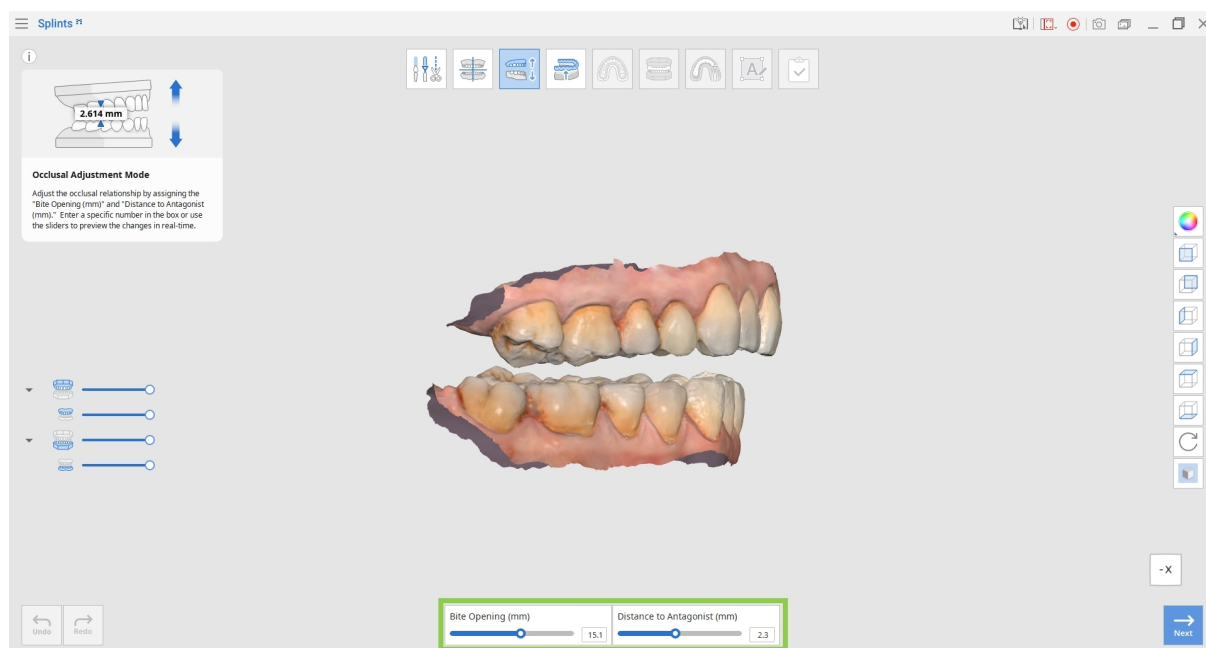


Lưu ý

Nếu khớp cắn được quét ở trạng thái há miệng hoặc chỉ có một hàm, có thể bỏ qua Chế độ điều chỉnh khớp cắn.



1. Để điều chỉnh quan hệ khớp cắn, hãy di chuyển thanh trượt hoặc nhập một giá trị cụ thể cho "Khoảng cách với răng đối hàm" hoặc "Độ mở cắn". Lưu ý rằng giá trị độ mở cắn được tính toán tự động dựa trên khoảng cách với răng đối hàm và có thể điều chỉnh tự động.



Hộp công cụ

Bite Opening (mm)	Độ mở cắn	Đặt độ lớn của độ mở cắn trong giá khớp ảo.
Distance to Antagonist (mm)	Khoảng cách với răng đối hàm	Đặt khoảng cách tối thiểu giữa các bề mặt khớp cắn của hàm trên và hàm dưới.

⚠️ Chú ý

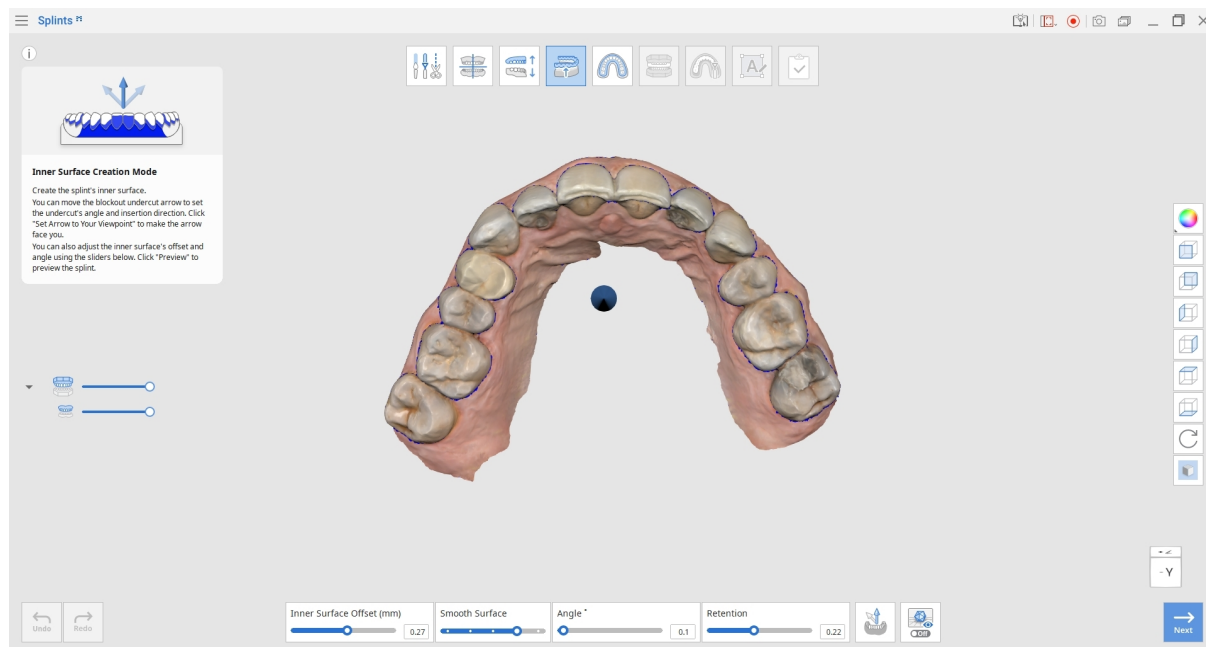
Khoảng cách đến răng đối hàm phải lớn hơn 0,0.

Nếu giá trị được đặt là 0,0 thì sẽ không có khoảng trống nào được tạo cho máng và không thể tiến hành bước tiếp theo. Điều chỉnh giá trị này để đảm bảo độ dày khớp cắn đủ cho máng.

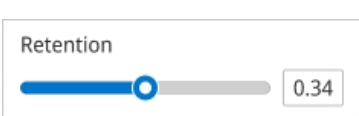
2. Nhấp vào "Tiếp" khi hoàn tất.

Chế độ tạo bề mặt trong

Bước này tạo bề mặt bên trong máng bằng cách điều chỉnh offset bề mặt trong, hướng chặn và mức chặn. Có thể tinh chỉnh thêm độ khít của máng bằng thanh trượt "Độ lưu giữ".

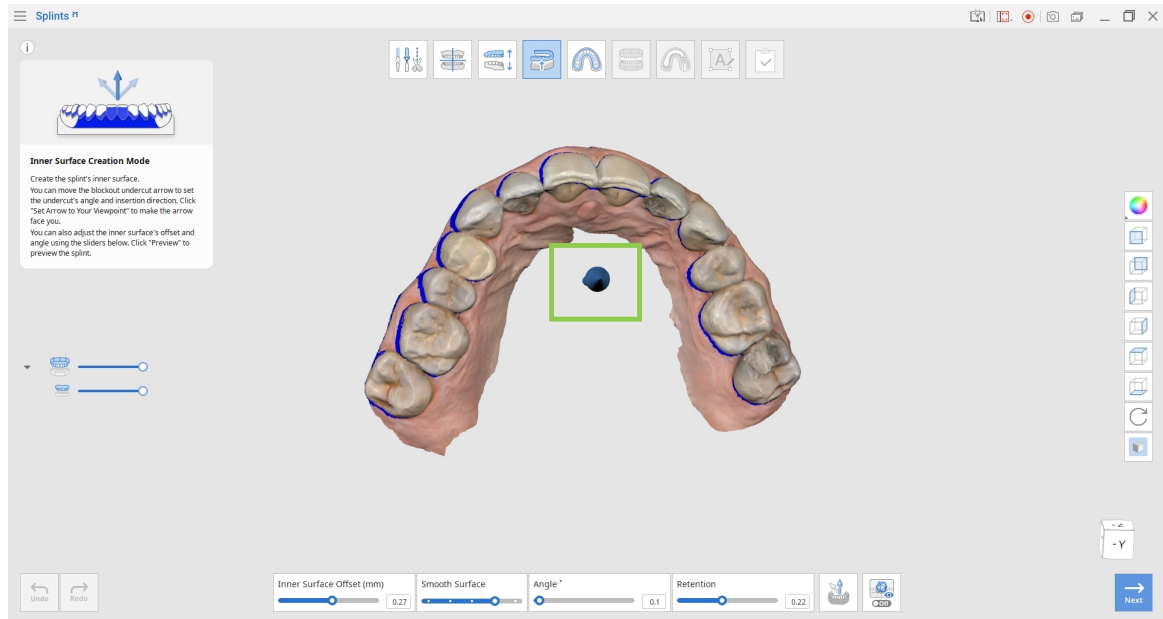


Hộp công cụ

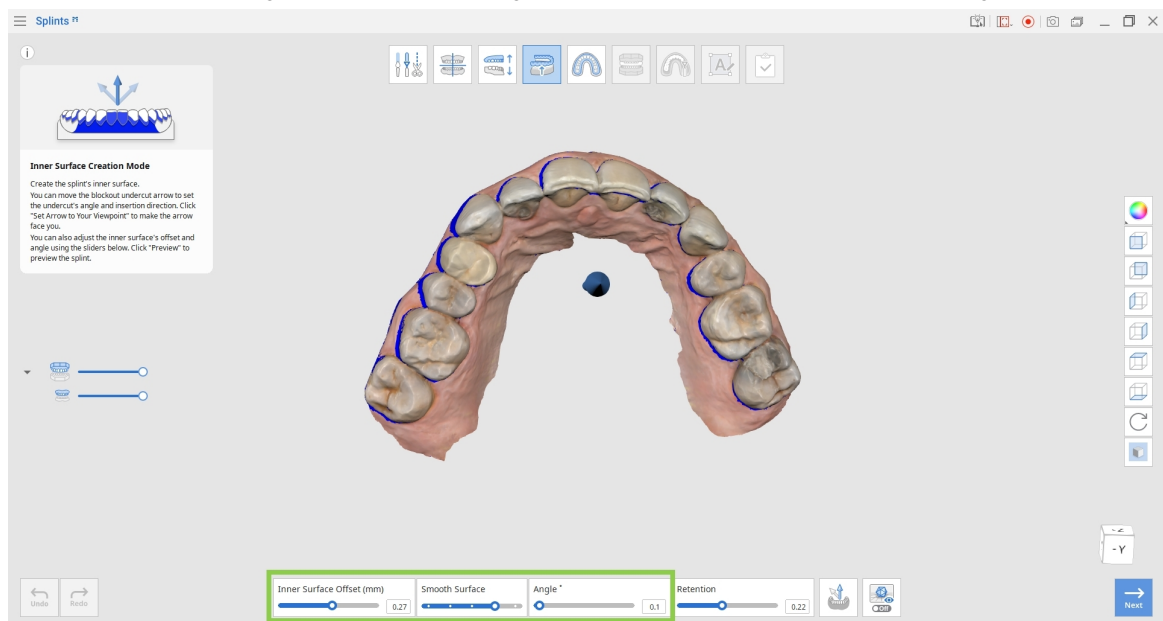
	Offset bề mặt trong	Đặt khoảng cách offset từ dữ liệu quét để tạo lưới máng.
	Làm nhẵn bề mặt	Làm nhẵn bề mặt bên trong máng. Di chuyển thanh trượt sang phải để tăng độ nhẵn.
	Góc	Đặt góc chặn.
	Độ lưu giữ	Kiểm soát việc bao gồm vùng lẹm để cải thiện độ lưu giữ máng.
	Đặt mũi tên theo hướng nhìn	Căn chỉnh mũi tên của hướng chặn theo hướng nhìn hiện tại.

	Xem trước	Hiển thị vùng lẹm cần chặn trên dữ liệu.
---	-----------	--

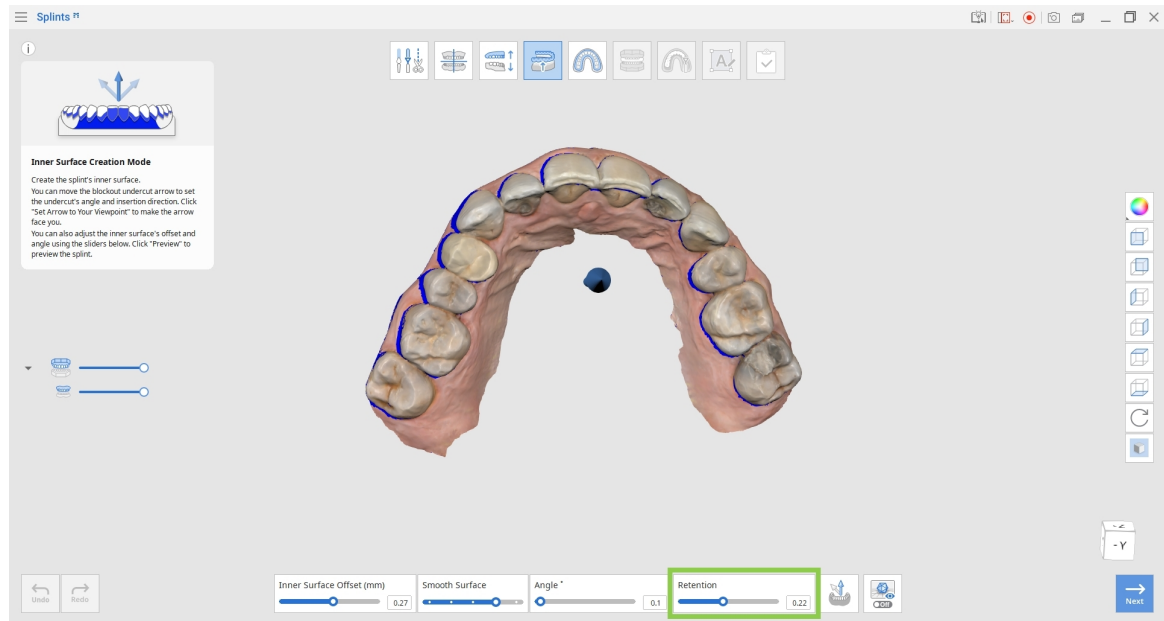
1. Nhấp và giữ mũi tên để di chuyển tự do và đặt hướng chặn. Các vùng nằm trong phạm vi chặn sẽ có màu xanh lam.



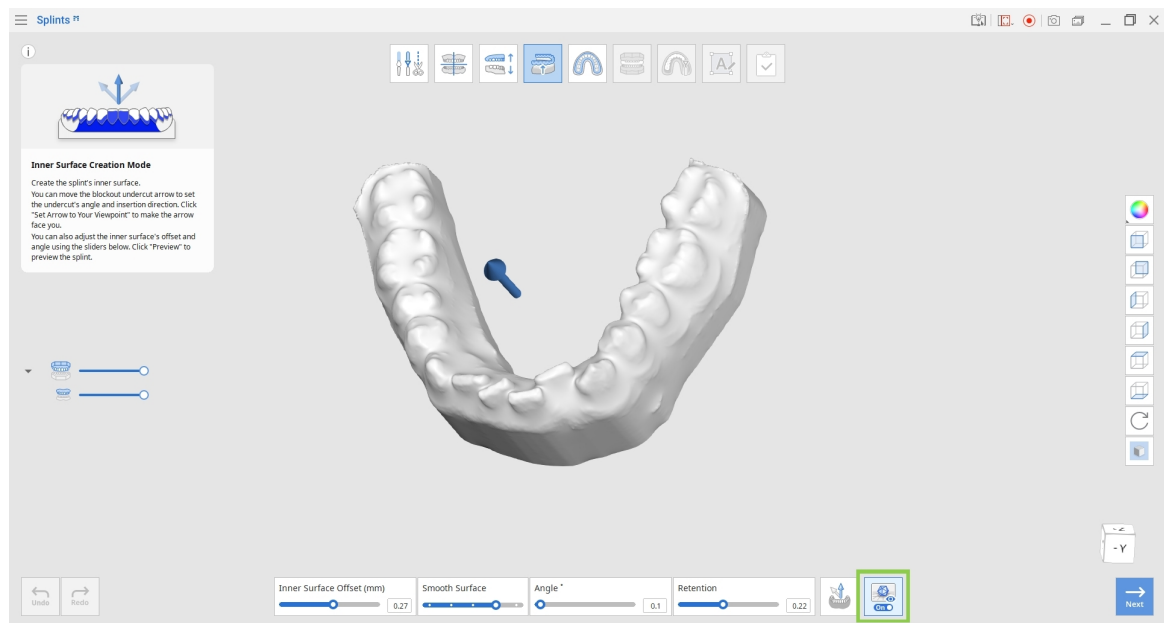
2. Đặt offset bề mặt trong, độ nhẵn bề mặt và góc chặn để điều chỉnh độ chặt của máng.



3. Sử dụng thanh trượt "Độ lưu giữ" để điều chỉnh phạm vi vùng lẹm cho phép và cải thiện độ lưu giữ của máng in.



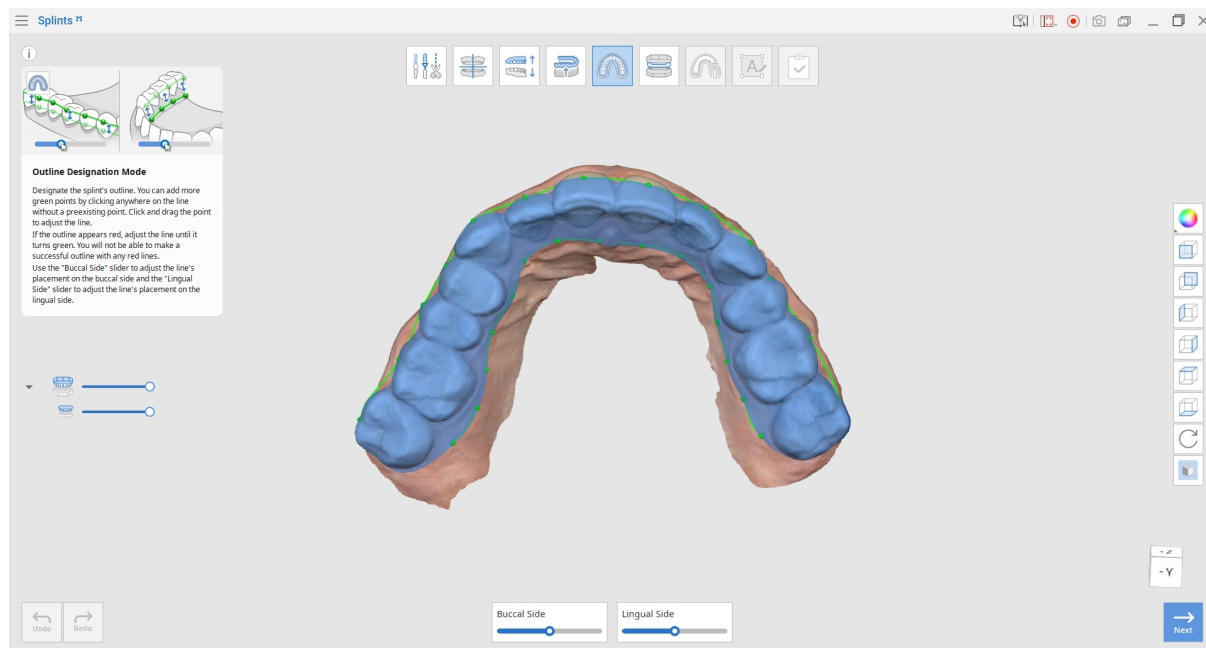
4. Nhấp vào "Xem trước" để xem máng có vùng lẹm cần chặn.



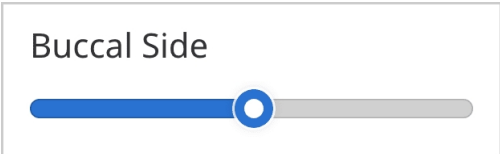
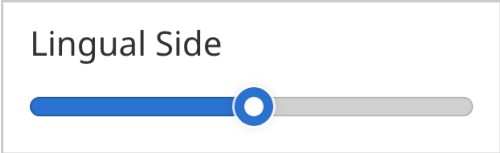
5. Nhấp vào "Tiếp" khi hoàn tất.

Chế độ chỉ định đường viền

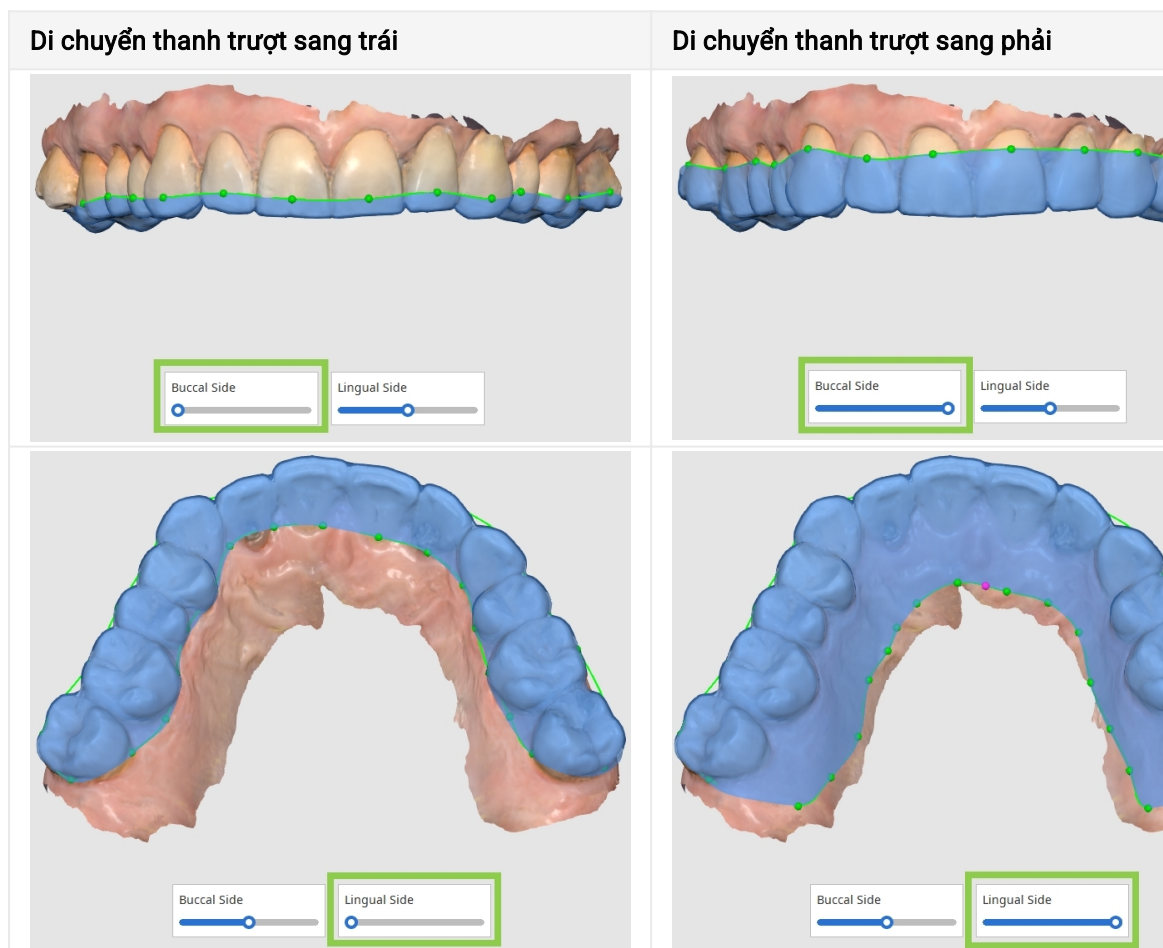
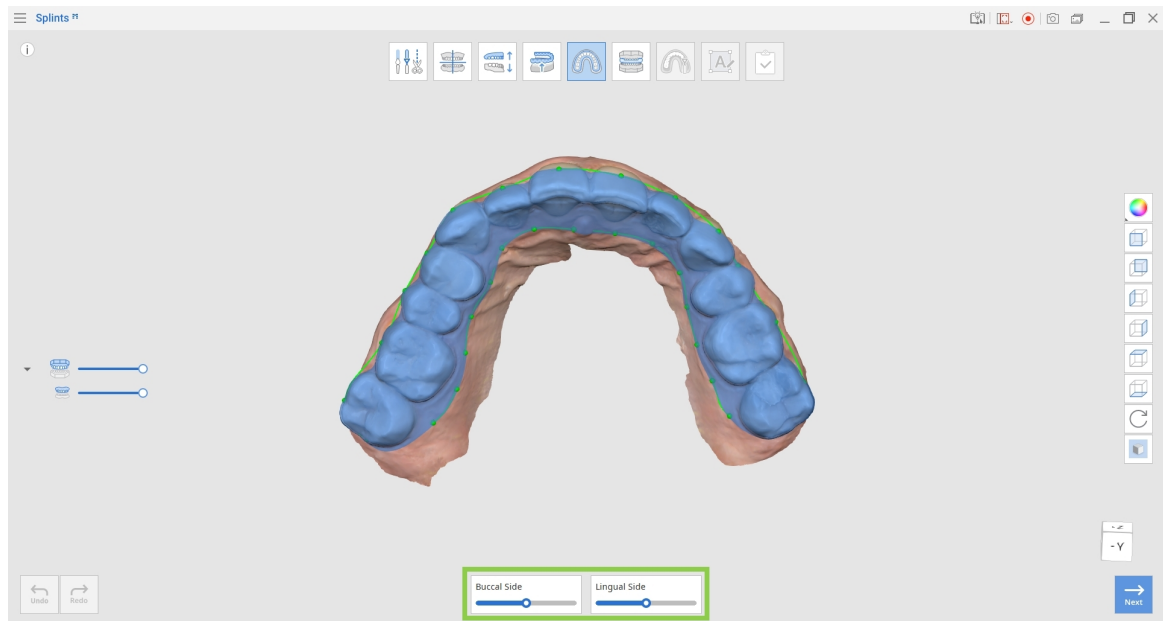
Ở bước này, đường viền máng được tạo ở mặt phía lưỡi và phía má.



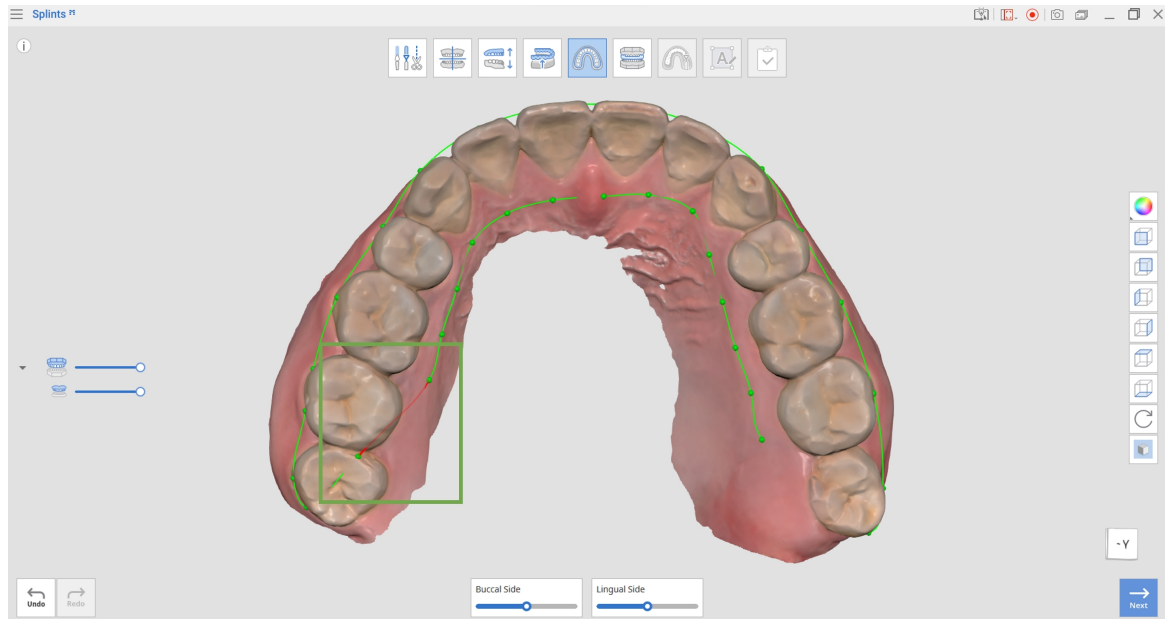
Hộp công cụ

	Mặt phía má	Điều chỉnh đường viền ở mặt phía má. Di chuyển thanh trượt sang phải để đưa đường viền đến gần nướu hơn.
	Mặt phía lưỡi	Điều chỉnh đường viền ở mặt phía lưỡi. Di chuyển thanh trượt sang phải để đưa đường viền đến gần nướu hơn.

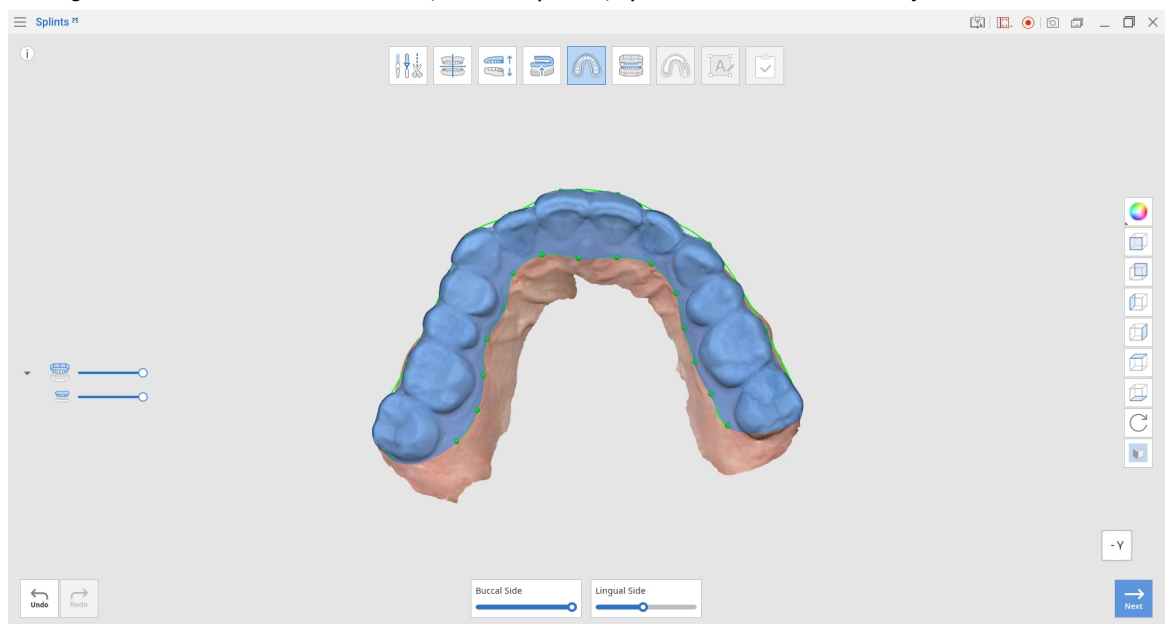
1. Chế độ chỉ định đường viền sẽ tự động tạo một đường viền. Dùng chuột kéo các điểm màu xanh lục hoặc điều chỉnh thanh trượt "Mặt phía má" và "Mặt phía lưỡi" để sửa đổi đường viền.



2. Nếu bất kỳ đoạn nào của đường viền hiển thị màu đỏ, hãy điều chỉnh đường viền cho đến khi đổi thành màu xanh lục. Bạn không thể tiến hành bước tiếp theo khi các đoạn vẫn có màu đỏ.



3. Khi xác định chính xác đường viền, vùng đã chọn sẽ hiển thị màu xanh lam. Nhấp chuột trái lên đường viền để thêm các điểm xanh lục và nhấp chuột phải để xóa các điểm này.

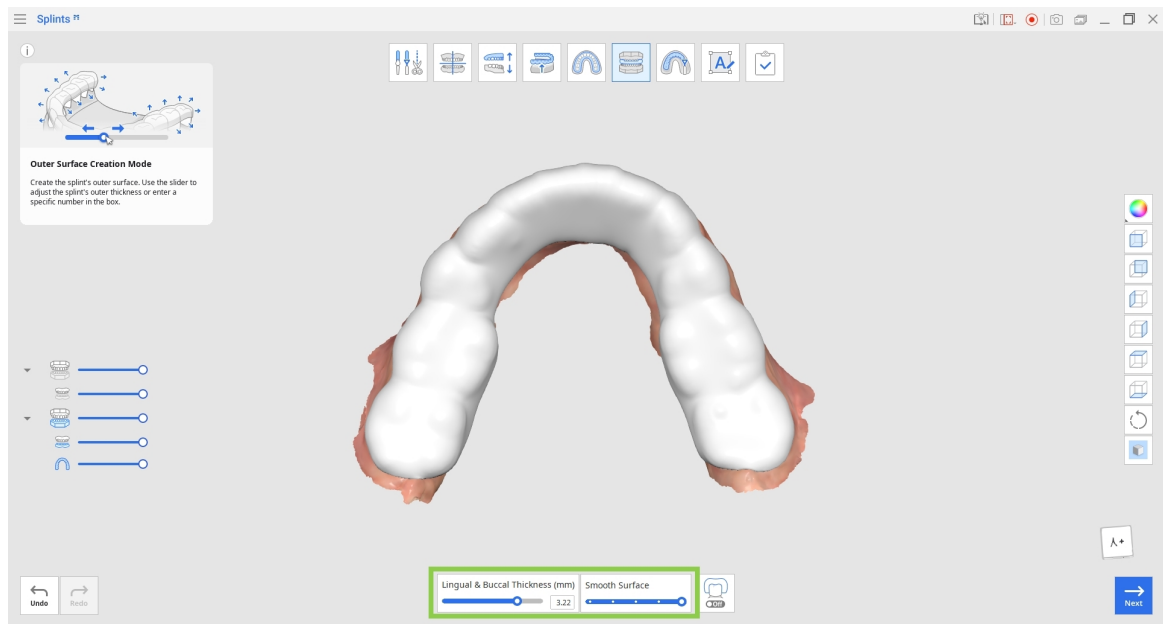


4. Nhấp vào "Tiếp" khi hoàn tất.

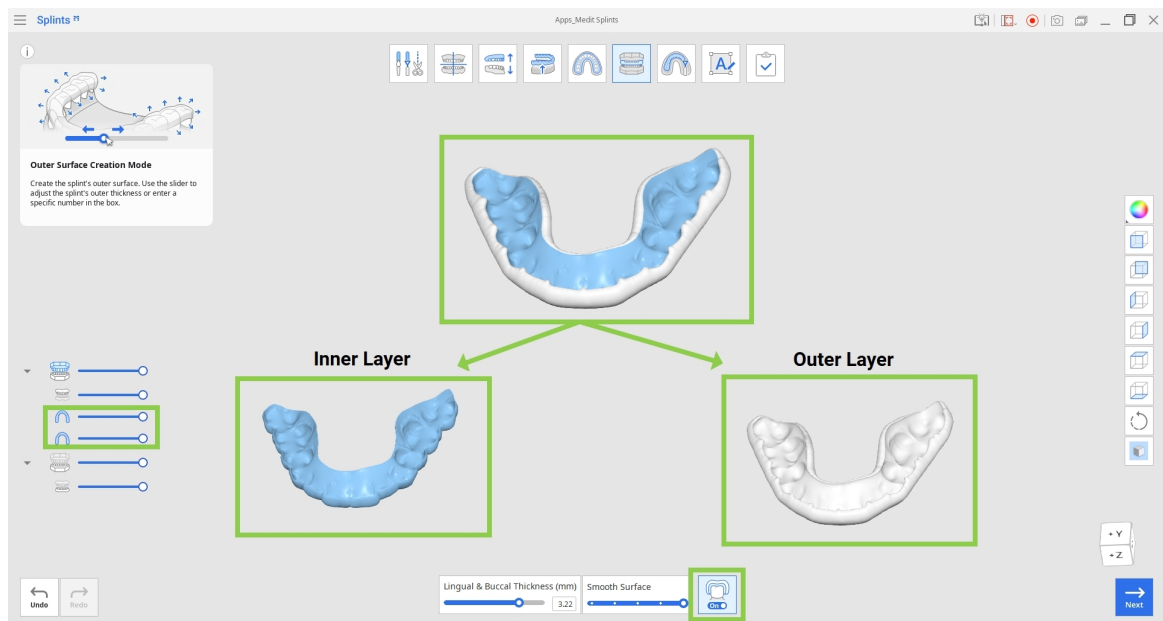
Chế độ tạo bề mặt ngoài

Ở bước này, bạn có thể điều chỉnh bề mặt bên ngoài máng bằng các công cụ có sẵn.

1. Di chuyển thanh trượt "Độ dày phía má & phía lưỡi" sang phải để tăng độ dày máng trên bề mặt phía má và phía lưỡi cùng lúc. Độ dày bề mặt khớp cắn được xác định tự động dựa trên khoảng cách đến răng đối hàm.
2. Sử dụng thanh trượt "Làm nhẵn bề mặt" để làm giảm độ thô của bề mặt bên ngoài máng.



3. Bạn có thể tạo máng hai vật liệu nếu máy in sử dụng công nghệ in MultiJet. Để thực hiện, hãy bật "Máng hai lớp" ở bên dưới và máng sẽ được chia thành các lớp bên ngoài và bên trong.



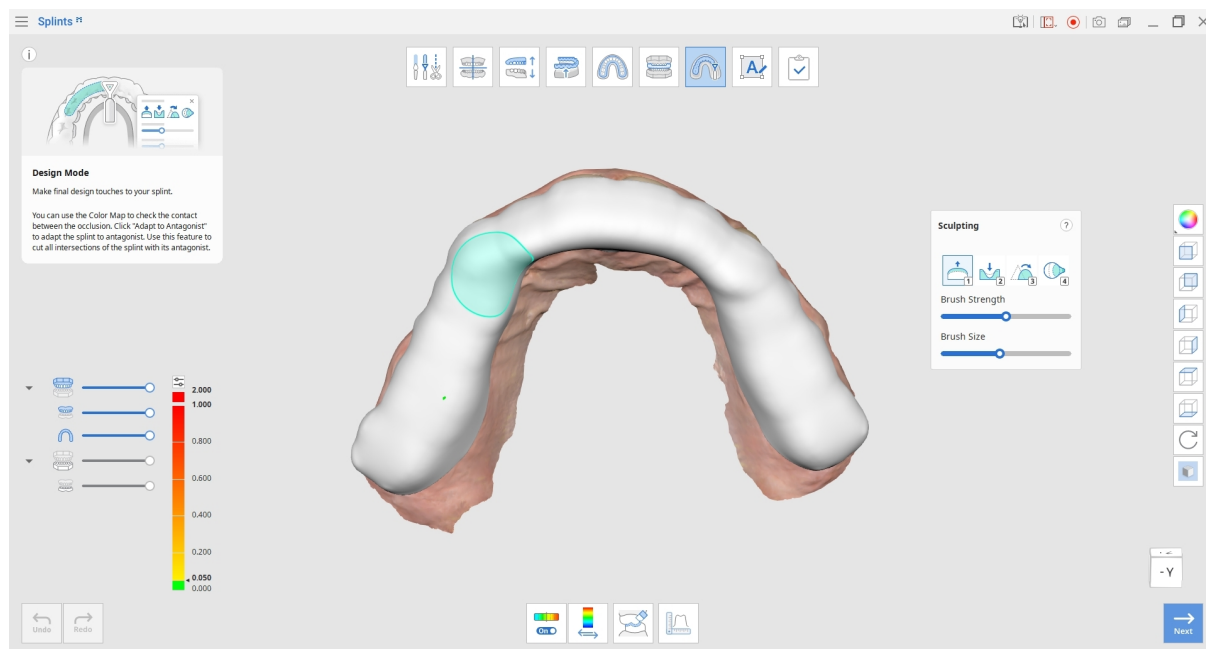
Hộp công cụ

Lingual & Buccal Thickness  2.8	Độ dày phía lưỡi & phía má	Điều chỉnh độ dày máng trên bề mặt phía má và phía lưỡi.
Smooth Surface 	Làm nhẵn bề mặt	Làm nhẵn bề mặt bên ngoài máng.
	Máng hai lớp	Chia máng thành lớp ngoài và lớp trong để in hai vật liệu.

4. Nhấp vào "Tiếp" khi hoàn tất.

Chế độ thiết kế

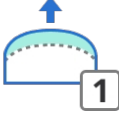
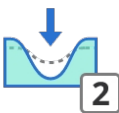
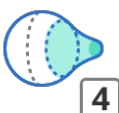
Trong chế độ này, bạn có thể thực hiện các điều chỉnh thiết kế cuối cùng cho máng. Sử dụng công cụ có sẵn để phân tích điểm tiếp xúc khớp cắn, xóa điểm giao nhau với răng đối hàm và xác minh độ dày của máng.



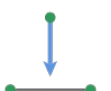
Hộp công cụ: Chính

	Bản đồ màu bật/tắt	Chuyển đổi chế độ hiển thị bản đồ màu.
	Chuyển vùng hiển thị độ lệch	Chuyển đổi chế độ hiển thị độ lệch giữa toàn bộ dữ liệu và chỉ vùng tiếp xúc.
	Điều chỉnh theo răng đối hàm	Điều chỉnh máng để xóa các điểm giao nhau với răng đối hàm.
	Công cụ đo lường	Tạo đường cắt và đo khoảng cách giữa các điểm.

Hộp công cụ: Điều khắc

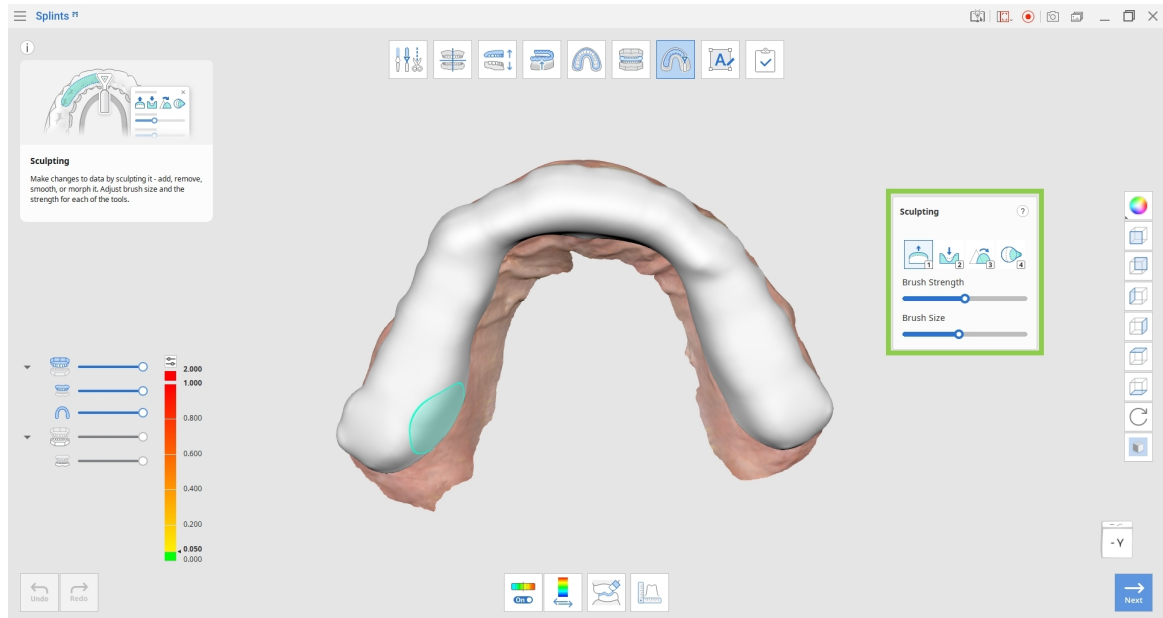
	Thêm	Sử dụng chuột để thêm dữ liệu lên bề mặt.
	Xóa	Sử dụng chuột để xóa các phần của dữ liệu.
	Làm nhẵn	Sử dụng chuột để làm nhẵn các phần của dữ liệu.
	Biến đổi	Sử dụng chuột để biến đổi các phần của dữ liệu.

Hộp công cụ: Công cụ đo lường

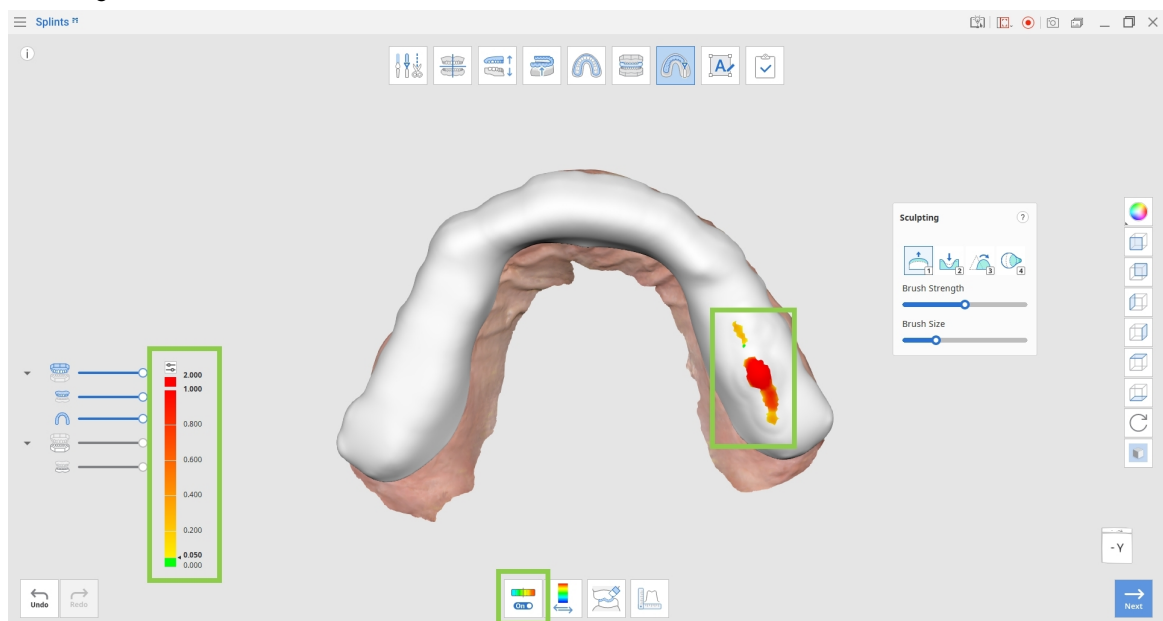
	Tạo mặt cắt	Tạo đường cắt.
	Xem vuông góc với đường cắt	Căn chỉnh hướng xem vuông góc với đường cắt đã chọn.
	Đo khoảng cách theo hai điểm	Đo khoảng cách giữa hai điểm.
	Đo khoảng cách theo ba điểm	Đo khoảng cách giữa một điểm và một đường do hai điểm khác định ra.

	Xóa kết quả đo lường	Xóa kết quả đo lường và đường cắt.
---	----------------------	------------------------------------

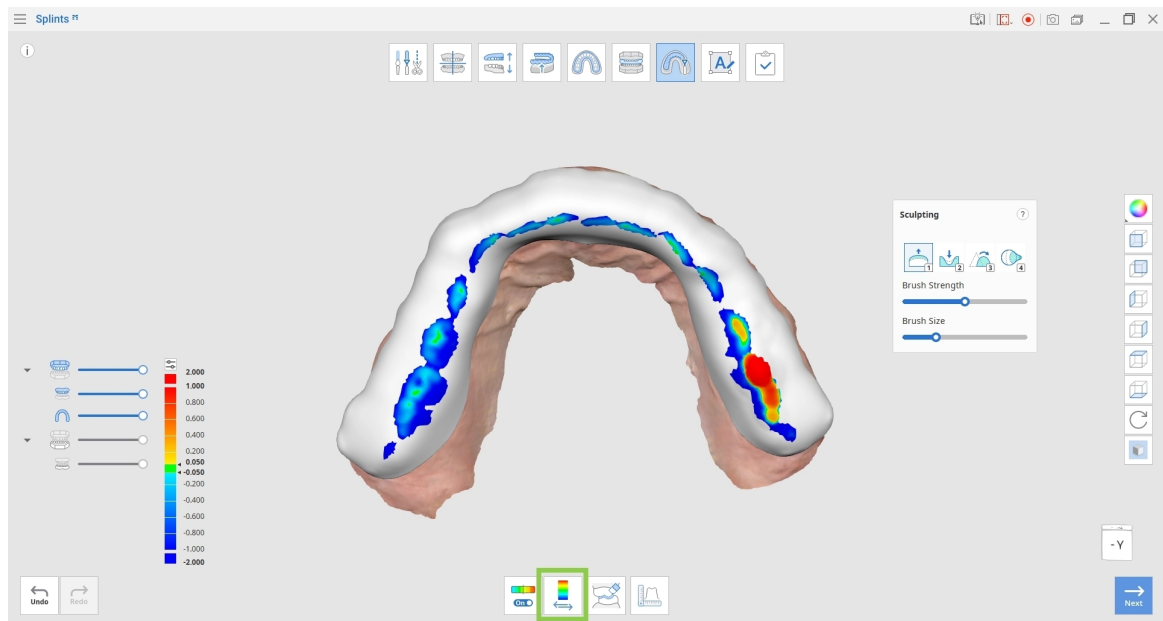
1. Sử dụng công cụ Điều khắc để thêm, xóa, làm nhẵn hoặc biến đổi bề mặt bên ngoài của máng. Nhờ đó, bạn có thể thực hiện các điều chỉnh tinh tế hơn đối với thiết kế máng.



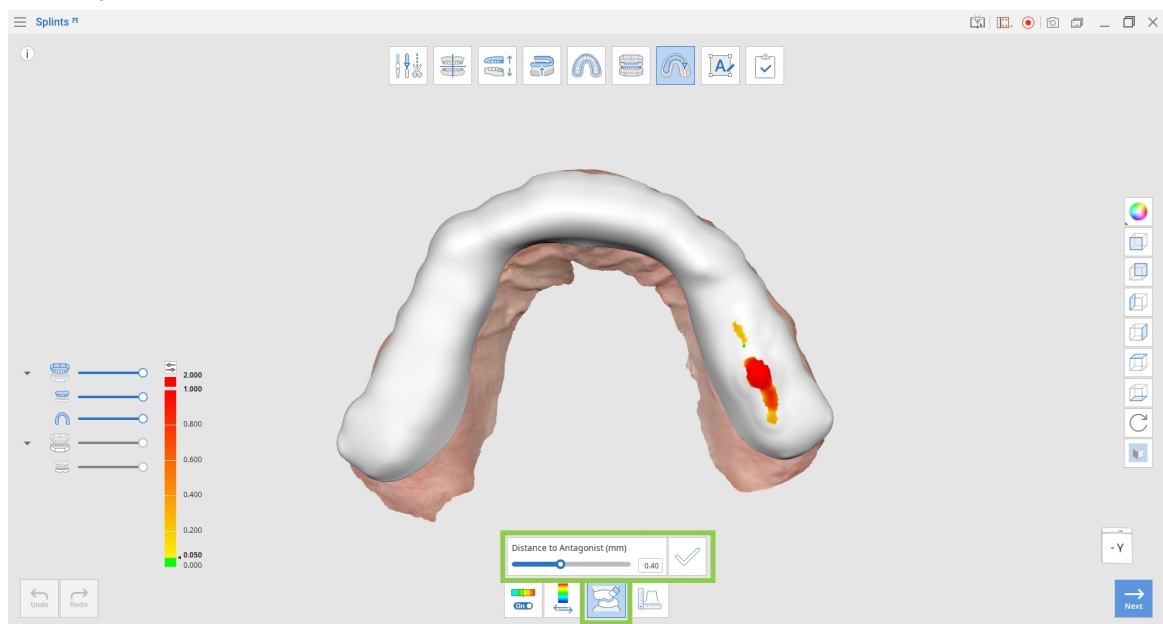
2. Bật Bản đồ màu để xác định điểm giao nhau. Vùng đỏ biểu thị điểm giao nhau giữa máng và dữ liệu đối xứng.



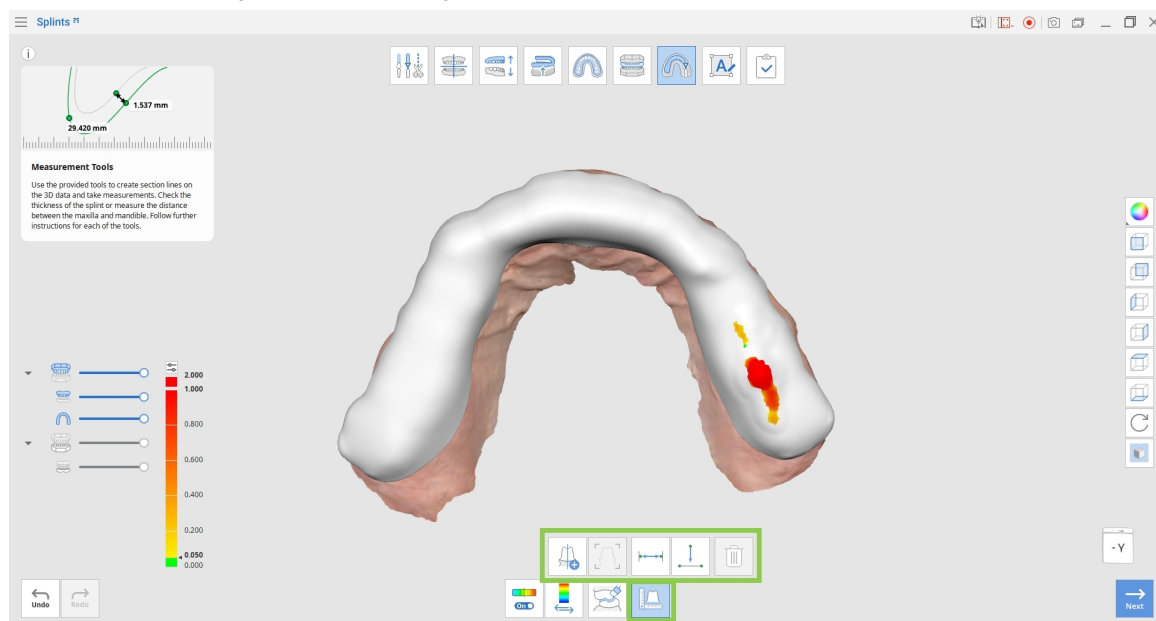
3. Nhấp vào "Chuyển vùng hiển thị độ lệch" để đánh giá khoảng cách đến răng đối hàm.



4. Nhấp vào "Điều chỉnh theo răng đối xứng" để xóa tất cả các điểm giao nhau giữa máng và răng đối xứng.



5. Sử dụng "Công cụ đo lường" để xác minh độ dày của máng sau khi chỉnh sửa. Chọn các điểm trên dữ liệu để tạo đường cắt và đo khoảng cách.



6. Nhấp vào "Tiếp" khi hoàn tất thiết kế máng.

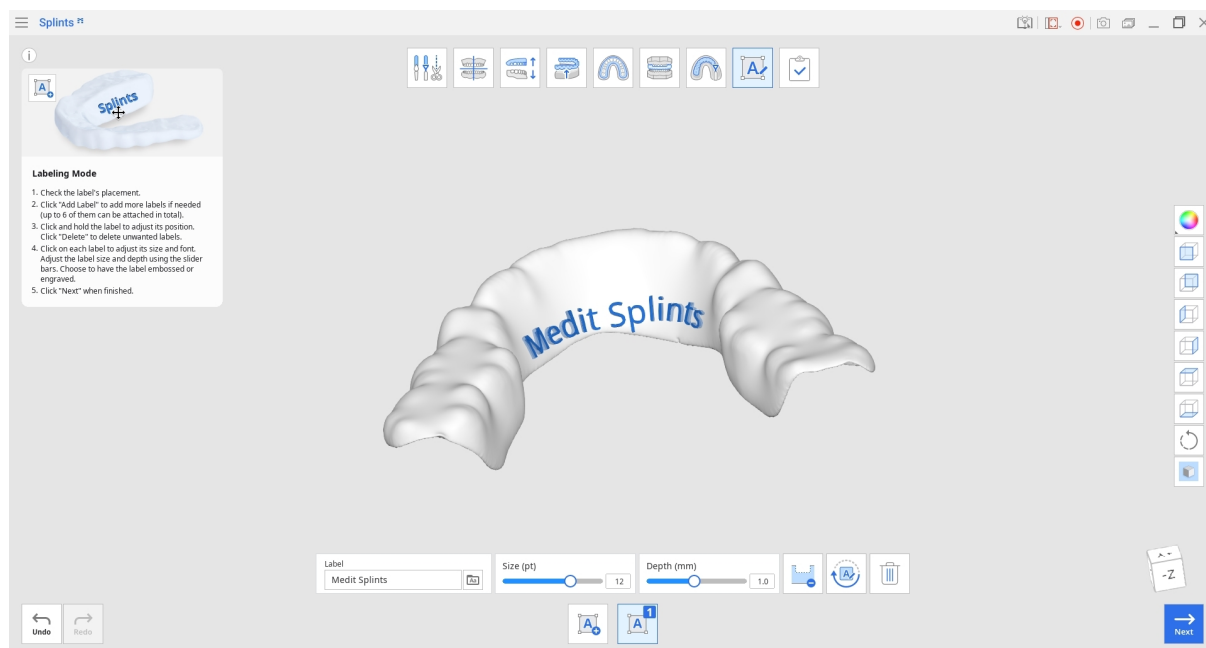
Chế độ dán nhãn

Chế độ dán nhãn cung cấp nhiều công cụ để tạo và quản lý nhãn trên bề mặt máng. Nhãn mặc định (Nhãn #1) được tạo tự động trên bề mặt bên ngoài của máng.



Lưu ý

Không bắt buộc thêm nhãn.

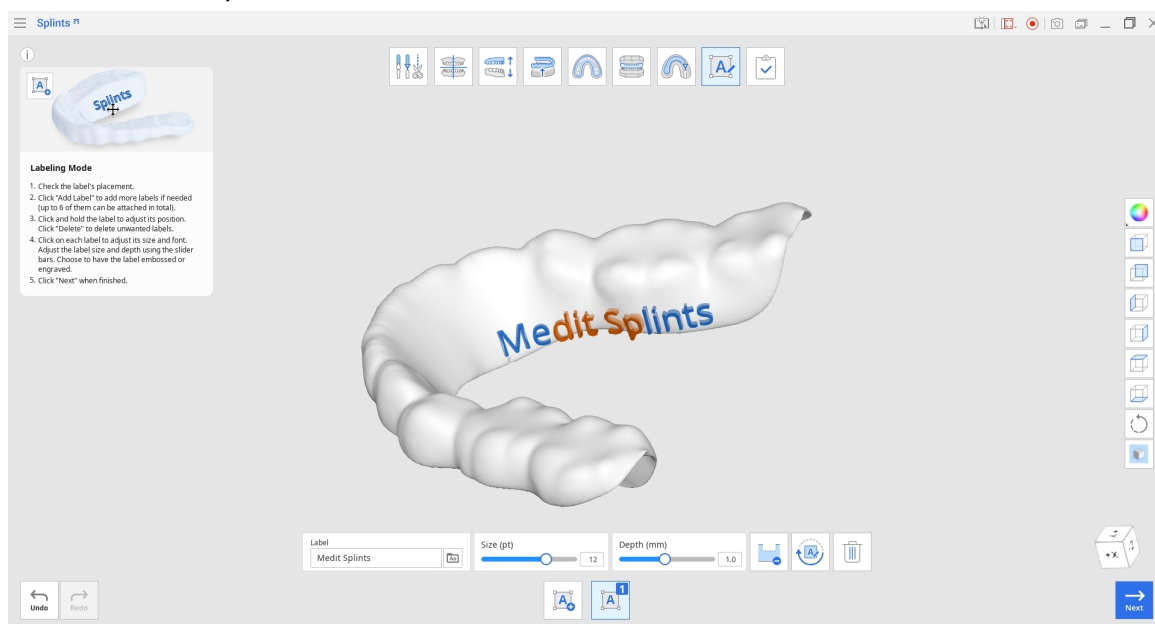


Hộp công cụ

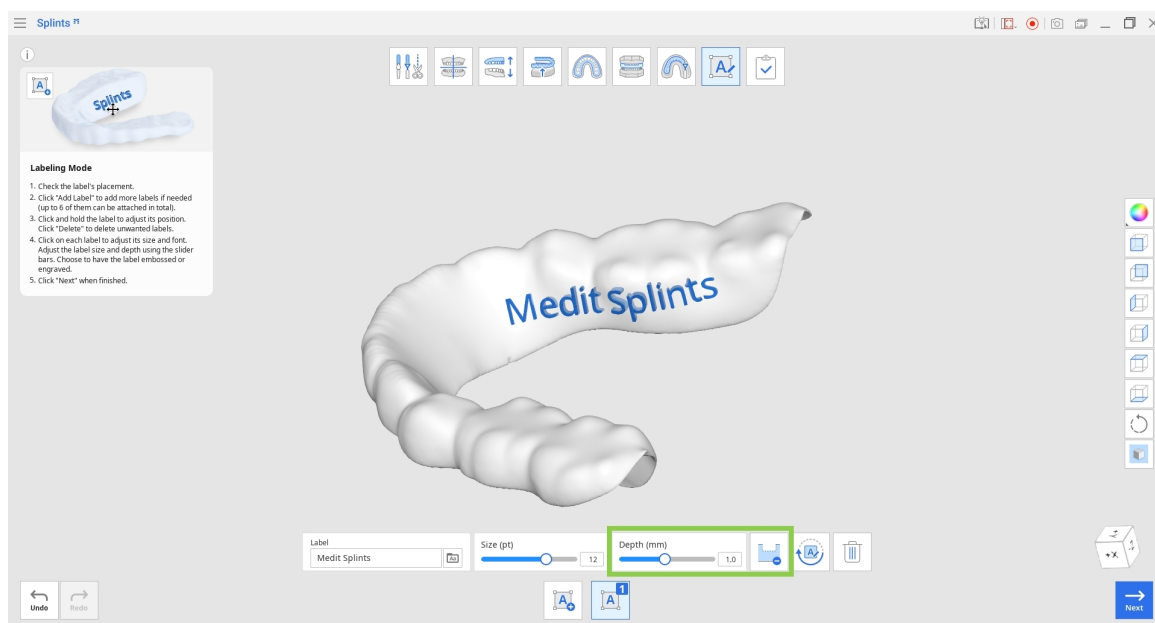
	Thêm nhãn	Thêm nhãn mới cho máng.
	Quản lý nhãn #1	Chỉnh sửa, dập nổi hoặc khắc nhãn #1.
	Quản lý nhãn #2	Chỉnh sửa, dập nổi hoặc khắc nhãn #2.

Label Medit splints 	Nhãn	Nhập văn bản sẽ hiển thị dưới dạng nhãn.
	Phông chữ	Chọn phông chữ cho nhãn.
Size  12	Kích thước	Đặt kích thước nhãn.
	Khắc	Dán nhãn cho máng nhai bằng cách khắc.
	Dập nổi	Dán nhãn cho máng bằng cách dập nổi.
	Xoay 180°	Xoay nhãn đã chọn 180°.
	Xóa	Xóa nhãn hiện tại.

1. Kiểm tra vị trí của nhãn được tạo tự động. Nếu bất kỳ phần nào của nhãn hiển thị màu cam, hãy kéo cho đến khi toàn bộ nhãn có màu xanh lam.

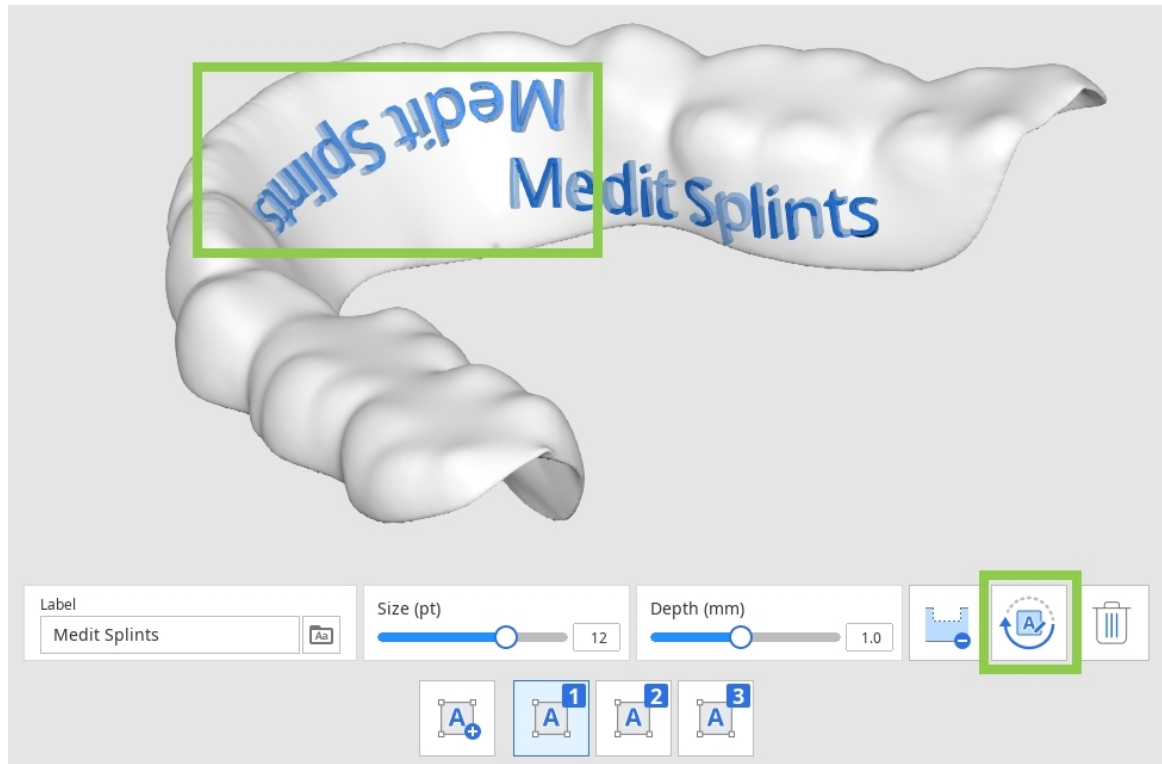


2. Nhấp vào "Đập nổi/Khắc" để thay đổi phương pháp đánh dấu. Có thể điều chỉnh độ sâu dán nhãn nếu cần.



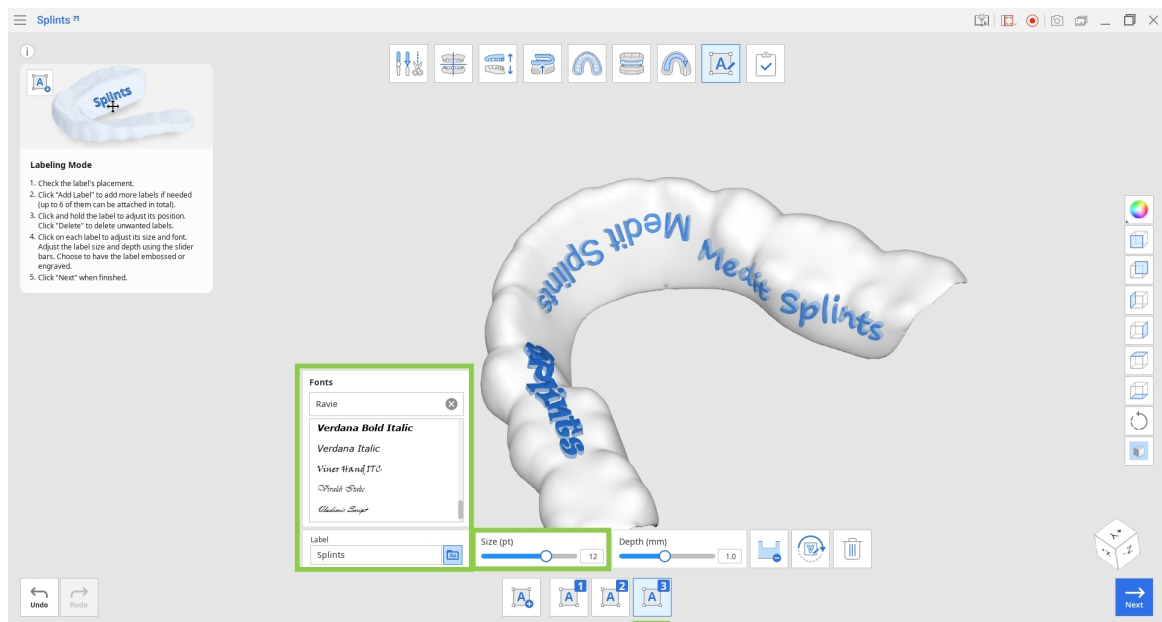
3. Nhấp vào "Thêm nhãn" để thêm nhãn khác. Có thể tạo tối đa sáu nhãn.

Bạn có thể nhấp vào nhãn và sử dụng tính năng " Xoay 180°" để xoay nhãn.



4. Để xóa nhãn, hãy chọn biểu tượng có số của nhãn mục tiêu và nhấp vào "Xóa".

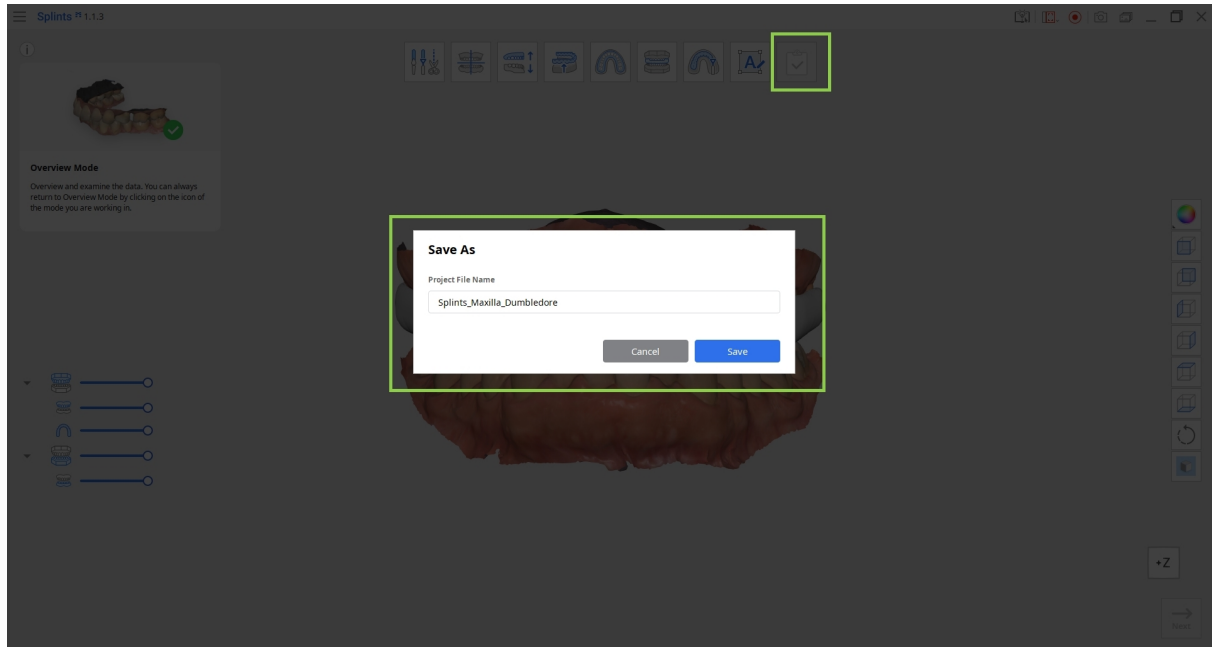
5. Chọn từng nhãn để điều chỉnh phông chữ và kích thước của nhãn đó.



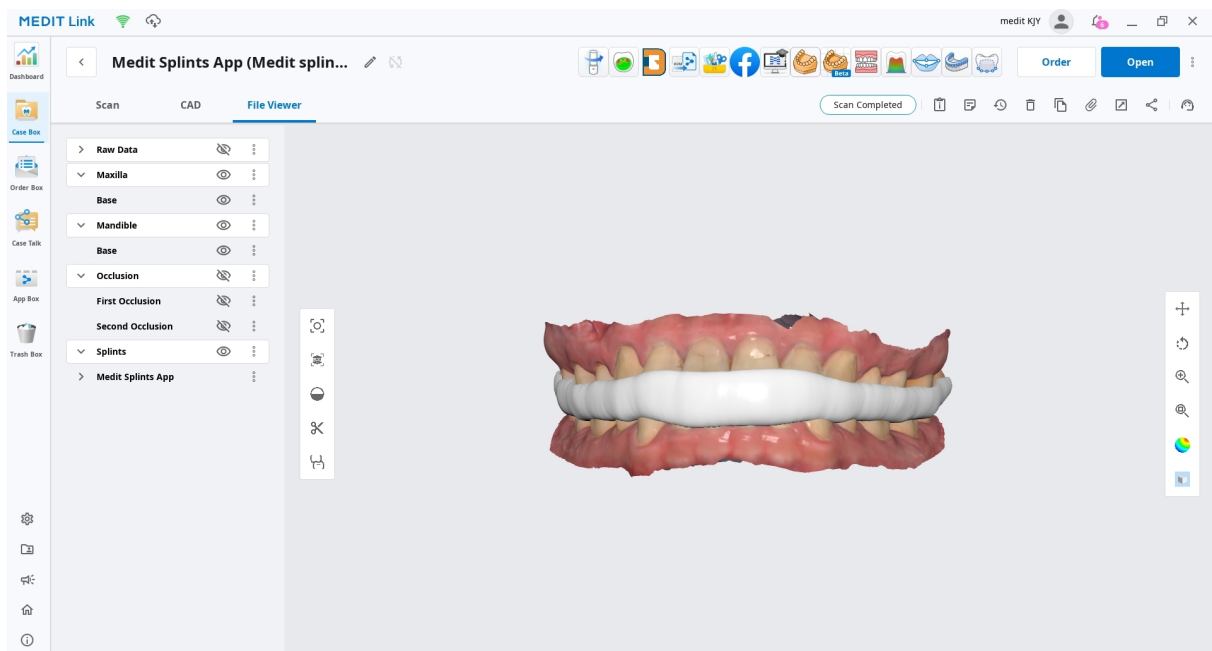
6. Nhấp vào "Tiếp" khi hoàn tất.

Hoàn thành

Sau khi hoàn thành quy trình tạo máng, nhấp vào biểu tượng cuối cùng ở phía trên đầu màn hình để lưu kết quả vào ca Medit Link. Nhập tên tệp dự án và nhấp vào "Lưu".



Bạn có thể kiểm tra dữ liệu đã lưu (cả tệp dự án và thiết kế máng cuối cùng) trong ca Medit Link.



Thông báo về báo cáo sự cố bất lợi

Người dùng và/hoặc bệnh nhân phải báo cáo mọi sự cố nghiêm trọng đã xảy ra liên quan đến thiết bị cho nhà sản xuất và cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên nơi người dùng và/hoặc bệnh nhân sinh sống.

Báo cáo cho nhà sản xuất tại:

Điện thoại: +82-02-2193-9600

Website: www.medit.com

email: support@medit.com

Báo cáo cho cơ quan địa phương tại:

FDA MAUDE

<http://www.accessdata.fda.gov/scripts/cdrh/cfdocs/cfMAUDE/search.CFM>

<https://www.accessdata.fda.gov/scripts/cdrh/cfdocs/cfRES/res.cfm>

MHRA (Cơ quan quản lý thuốc & sản phẩm chăm sóc sức khỏe): Cảnh báo về thiết bị y tế

<https://www.gov.uk/drug-device-alerts>

BfArM : Cảnh báo về thiết bị y tế

https://www.bfarm.de/SiteGlobals/Forms/Suche/EN/kundeninfo_Filtersuche_Formular_en.html

MFDS (Bộ an toàn thực phẩm và dược phẩm) : Cảnh báo về thiết bị y tế

http://www.mfds.go.kr/brd/m_548/list.do

<https://www.accessdata.fda.gov/scripts/cdrh/cfdocs/cfRES/res.cfm>

European_EUDAMED

<https://ec.europa.eu/tools/eudamed/#/screen/search-device>

Australia

<https://apps.tga.gov.au/prod/mdir/mdirsummary.aspx?sid=new>

Canada

<https://www.canada.ca/en/health-canada/services/drugs-health-products/medeffect-canada/adverse-reaction-reporting.html>

Brazil

<https://notivisa.anvisa.gov.br/frmLogin.asp>

Nhật Bản

<https://www.estrigw.pmda.go.jp/lryo/Login/Index?ReturnUrl=%2flryo>

Taiwan

<https://qms.fda.gov.tw/tcbw/main/ap/index.jsp>

Switzerland

<https://www.swissmedic.ch/swissmedic/en/home/medical-devices/reporting-incidents---fscas/users---operators.html>

Thông báo lỗi và cảnh báo

Tiêu đề	Thông báo
Điều chỉnh quan hệ khớp cắn	Khoảng cách giữa các hàm không đủ. Tăng khoảng cách và thử lại.
Không thể tạo bề mặt ngoài	Hãy đảm bảo đường viền là chính xác và thử lại.
Không thể điều chỉnh quan hệ khớp cắn	Căn chỉnh dữ liệu với mặt phẳng cắn trong Chế độ căn chỉnh và thử lại.
Không thể điều chỉnh quan hệ khớp cắn	Cắt bớt dữ liệu không cần thiết trong Chế độ chỉnh sửa và thử lại.
Không thể tự động tạo đường viền	Nhấp vào răng để tạo điểm và chỉ định đường viền theo cách thủ công.
Không thể Điều chỉnh theo răng đối hàm	Dữ liệu quét có thể bị nhiễu hoặc bất thường. Sử dụng công cụ điều chỉnh để cắt giao điểm theo cách thủ công hoặc trở về Chế độ chỉnh sửa để chỉnh sửa dữ liệu.
Không thể tự động tạo máng	Đảm bảo giá trị đã nhập trong "Chế độ tạo bề mặt trong" là chính xác và thử lại.
Không thể tự động tạo máng	Đảm bảo giá trị đã nhập trong "Chế độ điều chỉnh khớp cắn" là chính xác và thử lại.
Không thể tự động tạo máng	Đảm bảo giá trị đã nhập trong "Chế độ chỉ định đường viền" là chính xác và thử lại.
Không thể tự động tạo máng	Đảm bảo giá trị đã nhập trong "Chế độ tạo bề mặt ngoài" là chính xác và thử lại.
Không thể tự động tạo máng	Đảm bảo căn chỉnh trong "Chế độ căn chỉnh" là chính xác và thử lại.

Tiêu đề	Thông báo
Không thể tạo bề mặt ngoài	Hãy đảm bảo giá trị đã nhập là chính xác và thử lại. Đảm bảo đường viền chính xác trong "Chế độ chỉ định đường viền" và thử lại.
Không thể tạo bề mặt trong	Hãy đảm bảo giá trị đã nhập là chính xác và thử lại.
Không thể tạo bề mặt ngoài	Hãy đảm bảo đường viền là chính xác và thử lại.

Đại diện được ủy quyền

Thông tin liên hệ của các đại diện được ủy quyền của nhà sản xuất được cung cấp bên dưới.

Australia	Nhà bảo trợ: LC & Partners Pty Ltd Level 25, 100 Mount Street, North Sydney, NSW, 2060 Australia
-----------	---

eIFU download link:

<https://support.medit.com/hc/en-us/articles/53571022051737-Medit-Apps-PDF>

Medit webpage:

<https://www.medit.com>



Importer for European Union according to MDR 2017/745

Medit Europe GmbH

Lindleystraße 8A, 60314 Frankfurt am Main, Germany

+49 170 9082391

New address, effective October 1st, 2026:

Heinrich-Hertz-Str. 2a, 64295 Darmstadt, Germany

+49 615 13985514



Meditrial Srl

Via Po 9 00198, Rome Italy

ecrep@meditrial.eu



Meditrial Europe Ltd

Bahnhofstrasse 23 6300 Zug, Switzerland



Medit Corp.

9F, 10F, 13F, 14F, 16F, 8, Yangpyeong-ro 25-gil, Yeongdeungpo-gu, Seoul, 07207, Republic of Korea

Tel: +82-2-2193-9600

Contact for Product Support

Email: support@medit.com

Tel: +82-2-2193-9600